

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NINH



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014 **(QNC)**

Hạ long, tháng 03 năm 2015

Tel: (084) 333 841 640 - Fax (084) 333 841 643

Email: info@qncc.com.vn

Website: www.qncc.com.vn

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Cái Lân – Phường Giếng dáy - TP Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh

SỐ: 17/BC-HĐQT

Hạ Long, ngày 13 tháng 03 năm 2015

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NINH
Năm báo cáo: 2014**

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát

- **Tên tiếng việt:** Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.
- **Tên tiếng anh:** Quang Ninh Contrucstion and Cement Joint Stoch Company.
- **Tên viết tắt:** QNCC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Ngày 28/03/2005 được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 22.03.000388, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 26/2/2010 số: 5700100263, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 13/05/2014.
- **Vốn điều lệ: 184.511.090.000 đồng.**
- **Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 184.511.090.000đ**
- **Địa chỉ:** KCN Cái Lân, Phường Giếng Đáy, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.
- **Số điện thoại:** 0333.841640/0333.841651
- **Số fax:** 0333.841643
- **Website:** www.qncc.com.vn
- **Mã cổ phiếu:** QNC, Ngày 10/01/2008, Cổ phiếu của Công ty chính thức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), Ngày giao dịch đầu tiên: 17/01/2008.

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Tiền thân thành lập là Xí nghiệp Than Uông Bí từ năm 1985.
- Ngày 22/01/1997 tại Quyết định số 262/QĐ-UB của UBND Tỉnh Quảng Ninh Sáp nhập Xí nghiệp Xây dựng Uông bí vào Xí nghiệp Than Uông bí thành lập Công ty Xi măng và Xây dựng Uông Bí.
- Ngày 11/04/1998 tại Quyết định số 1125/QĐ-UB của UBND Tỉnh Quảng Ninh Sáp nhập Công ty Xi măng Quảng Ninh vào Công ty Xi măng và Xây dựng Uông Bí thành lập Công ty Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.
- Ngày 04/02/2005 tại Quyết định số 497/QĐ-UB của UBND tỉnh Quảng Ninh Phê duyệt cổ phần hoá. Tên công ty được thay đổi thành: Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

☞ **Ngành nghề kinh doanh:**

- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét

- Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy
- Bốc xếp hàng hóa
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật
- Sửa chữa máy móc, thiết bị
- Sửa chữa thiết bị điện
- Sửa chữa thiết bị khác
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- Thoát nước và xử lý nước thải
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh
- Khai thác và thu gom than non
- Khai thác và thu gom than cứng
- Khai thác và thu gom than bùn
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
- Xây dựng nhà các loại
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- Xây dựng công trình công ích
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Chuẩn bị mặt bằng
- Lắp đặt hệ thống điện
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
- Hoàn thiện công trình xây dựng
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
- Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)
- Dịch vụ ăn uống khác
- Dịch vụ phục vụ đồ uống
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy
- Nuôi trồng thủy sản biển, Nuôi trồng thủy sản nội địa
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì.....

☞ Ngành nghề kinh doanh: (các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

Ngành sản xuất	ĐVT	Năm 2014		Năm 2013	
		Giá trị	Tỷ trọng/tổng doanh thu	Giá trị	Tỷ trọng/tổng doanh thu
1. Sản xuất xi măng	Đồng	623.760.608.051	50,22%	671.125.083.797	55,79%
2. Khai thác và chế biến than	Đồng	202.551.233.574	16,31%	253.787.274.752	21,10%
3. Sản gặt bóc xúc vận chuyển	Đồng	212.347.972.996	17,10%	161.907.165.135	13,46%

☞ Địa bàn kinh doanh chính: Ban giám đốc Công ty xác định rằng việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp cho các đại lý không dựa trên khu vực địa lý.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Cơ cấu tổ chức của Công ty:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra HĐQT của Công ty, HĐQT là cơ quan quản lý cao nhất giữa hai kỳ đại hội cổ đông, có trách nhiệm quản lý và tổ chức thực hiện các nghị quyết của đại hội cổ đông cùng kỳ, có toàn quyền nhân danh công ty, thay mặt cổ đông để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn

đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được quy định trong Điều lệ của Công ty.

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra và chịu trách nhiệm trước các cổ đông và pháp luật về những kết quả công việc của Ban kiểm soát với Công ty

Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty bao gồm: Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc và một Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm, là cơ quan tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo mục tiêu, định hướng chiến lược và kế hoạch mà HĐQT và Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

* Tổ chức bộ máy của Công ty tính tại thời điểm 31/12/2014 gồm:

- Phòng ban nghiệp vụ Công ty gồm (07) phòng ban:

1. Phòng Tổ chức Hành chính Công ty.
2. Phòng Kế toán Công ty.
3. Phòng Kỹ thuật Công ty.
4. Phòng Kế hoạch vật tư Công ty.
5. Phòng Tiêu thụ Công ty.
6. Phòng Đầu tư Kinh doanh hạ tầng Công ty.
7. Phòng Quản lý xuất nhập vật tư Công ty.

- Đơn vị trực thuộc gồm (06) đơn vị:

1. Nhà máy Xi măng Lam Thạch.
2. Nhà máy Xi măng Lam Thạch II.
3. Xí nghiệp Than Uông Bí;
4. Xí nghiệp Khai thác và Kinh doanh than Đông Triều.
5. Xí nghiệp đá Uông Bí.
6. Xí nghiệp Thi công cơ giới.

* Công ty Cổ phần thành viên gồm (04) đơn vị:

1. Công ty Cổ phần đá Núi Rùa;
2. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Uông Bí;
3. Công ty Cổ phần Siêu thị Thương mại Sông Sinh;
4. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng An Khang.

+ Mô hình quản trị Công ty được thực hiện theo các quy định:

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Nghị định 102/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2010 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Điều lệ và quy chế quản trị Công ty theo quy định tại Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng;
- Các quy định pháp luật của Nhà nước.

+ Các công ty con, công ty liên kết tính tại thời điểm ngày 31/12/2014:

T T	Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực sxkd chính	Vốn điều lệ (đồng)	Tỷ lệ sở hữu của Công ty (%)	Quyền biểu quyết của công ty mẹ (%)
1	Công ty Cổ phần Thương mại Sông Sinh	Phường Quang Trung, Uông Bí, QN	Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ, văn phòng, dịch vụ ăn uống....	2.500.000.000	56,96	56,96
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Uông Bí	Phường Quang Trung, Uông Bí, QN	Xây lắp	7.000.000.000	51,00	51,00
3	Công ty Cổ phần Núi Rùa	Phường Phương Nam, Uông Bí, QN	Khai thác chế biến đá, sản xuất VLXD, xây dựng...	20.000.000.000	51,50	51,50

4.2 Định hướng phát triển:

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

Công ty xác định mục tiêu chiến lược sản xuất kinh doanh là:

- + Tập trung mọi nguồn lực để nâng cao năng lực sản xuất sản phẩm, giữ vững sự tăng trưởng ổn định sản xuất, đảm bảo năng suất, chất lượng, hiệu quả, mở rộng thị trường và đa dạng các kênh tiêu thụ sản phẩm.
- + Đầu tư phát triển các lĩnh vực có lợi thế đủ sức cạnh tranh trên thị trường mang lại kinh tế cao.
- + Xây dựng Công ty trở thành một doanh nghiệp phát triển và hoạt động hiệu quả trong Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 05/05/2010, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2010 - 2015 cụ thể:

- Tốc độ tăng trưởng hàng năm đạt từ 10 - 15%
- Về doanh thu từ năm 2010 đến năm 2015 tăng từ 10 - 15% năm
- Cổ tức chia cho cổ đông: 25% trở lên.
- Thu nhập bình quân tăng từ 10% năm trở lên.
- Thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp, quản lý chặt chẽ chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO 9001 - 2008.
- Bảo đảm môi trường trong SXKD và an toàn trong lao động
- Bảo toàn nguồn vốn chủ sở hữu, tăng nguồn vốn từ lợi nhuận để lại.
- Thực hiện kế hoạch phát hành cổ phần tăng vốn Điều lệ từ 170,9 tỷ đồng, theo lộ trình đến năm 2015 vốn Điều lệ đạt mức 500 tỷ đồng
- Tăng cường hoạt động kinh doanh thương mại, khách sạn, nhà hàng, vận tải, kho vận nhằm khai thác tốt mọi tiềm năng thế mạnh của Công ty.
- Tiếp tục lựa chọn lộ trình hợp lý để hoàn thiện việc đầu tư các dự án hạ tầng khu dân cư và triển khai các dự án mang lại hiệu quả kinh tế cao như:
 - * Dự án đầu tư xây dựng khu tự xây tại xã Phương Nam - Uông Bí
 - * Dự án khu đô thị Đông Yên Thanh thị xã Uông Bí - Quảng Ninh.

* Dự án khu trung tâm thương mại Cầu sến Phương Đông, Uông Bí.

* Dự án khu đô thị tại xã Phương Nam, Uông Bí - Quảng Ninh

* Dự án Nhà máy phát điện nhiệt dư của dây chuyền NM Xi măng Lam Thạch II.

c) Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của QNCC thường xuyên tham gia các chương trình ủng hộ từ thiện, giáo dục... khẳng định trách nhiệm với cộng đồng góp phần hướng tới sự phát triển bền vững của xã hội.

d) Các rủi ro:

- Quản lý rủi ro của Công ty. Công ty cũng đã phân loại quản lý rủi ro để đảm bảo cho sự hoạt động liên tục không ảnh hưởng lớn đến quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể như:

- Quản lý rủi ro tài chính: Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

- Rủi ro về tỷ giá hối đoái: Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

- Rủi ro về lãi suất: Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2014, trong bối cảnh nền kinh tế trong nước phục hồi chậm, sức cạnh tranh thấp, kinh tế tăng trưởng chưa cao, thị trường tiêu thụ sản phẩm vật liệu xây dựng kém, kinh doanh bất động sản chưa khởi sắc, chi phí đầu vào như: điện, than, xăng dầu có diễn biến phức tạp, chính sách tiền tệ thắt chặt, thời tiết bất thường... lĩnh vực xây lắp nhiều công trình, dự án tiếp tục bị đình hoãn, giãn tiến độ, nợ vốn kéo dài, chậm thu hồi ... Từ đó đó ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động và kết quả SXKD của các doanh nghiệp, đặc biệt đối với các đơn vị sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất xi măng, đở, sản xuất than... Tuy nhiên, với sự lãnh đạo chỉ đạo sâu sát, linh hoạt, kịp thời của Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, sự thống nhất đoàn kết, phát huy sức mạnh nội lực, khắc phục khó khăn, đồng sức đồng lòng của tập thể CBCNV- LĐ trong toàn Công ty, chủ động trong điều hành, chỉ đạo và tổ chức sản xuất, tập trung triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp, tăng cường công tác quản lý, tiết giảm chi phí, thực hiện tái cơ cấu nhân lực, tái cơ cấu nguồn vốn... kết quả năm 2014, tình hình hoạt động SXKD Công ty cơ bản vẫn giữ được ổn định, một số chỉ tiêu, nhiệm vụ chính đạt so với yêu cầu, bên cạnh còn một số chỉ tiêu, lĩnh vực chưa đạt so với kế hoạch và còn thấp so với cùng kỳ.

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014

TT	CH TI U	VT	K T QU N M 2014	SO S NH K T QU (%)	
				Kế hoạch năm	Cùng kỳ năm trước
A	CHỈ TIÊU SẢN XUẤT				
I	Tổng SX Xi măng Lam Thạch + Clinker	Tấn	823.608	88,6%	91,7%
	Trong đó:				
	<i>Nung Clinker (Dây chuyền I)</i>	<i>tấn</i>	365.919		
	<i>Nung Clinker (Dây chuyền II)</i>	<i>tấn</i>	366.758		
	<i>Nghiên Xi măng PCB30</i>	<i>tấn</i>	102.734		
	<i>Nghiên xi măng PCB 40</i>	<i>tấn</i>	269.880		
II	Sản xuất than các loại	Tấn	317.995	99,4%	78,4%
1	Xí nghiệp Than Uông Bí	<i>tấn</i>	234.471	97,7%	78%
2	Xí nghiệp Than Đông Triều	<i>tấn</i>	83.524	104,4%	79,5%
III	Sản xuất đá các loại (Trong đó):	M3	784.995	86,3%	89%
1	<i>Đá sản xuất xi măng</i>	<i>m3</i>	661.145		
2	<i>Đá thương phẩm tiêu thụ</i>	<i>m3</i>	123.850		
IV	Sản lượng san gạt, bốc xúc, vận chuyển đất đá, khoan (Xí nghiệp Thi Công cơ giới)	M3	3.276.615	81,9%	123,4%
1	<i>Sản lượng bốc xúc vận chuyển đất đở</i>	<i>m3</i>	2.772.305	77,9%	118,6%
2	<i>Sản lượng bốc xúc vận chuyển than nguyên khai</i>	<i>m3</i>	504.309	114,6%	159,3%
V	Giá trị bốc xúc vận chuyển, san gạt đất đá, xây lắp và kinh doanh Cơ sở hạ tầng	Đồng			
1	Giá trị san gạt, bốc xúc vận chuyển đất đá, khoan	<i>đồng</i>	171.267.113.371	83,5%	123,6%
2	Giá trị xây dựng, lắp máy và KDCS hạ tầng	<i>Đồng</i>	70.363.175.000		
*	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Uông Bí	<i>đồng</i>	60.863.175.000		
*	Xí nghiệp Xây dựng Hạ long (Cty CP Đầu tư Xõy dựng An Khang)	<i>đồng</i>	9.500.000.000		
B	TIÊU THỤ SẢN PHẨM				
I	Tổng Tiêu thụ xi măng + Clinker	Tấn	811.424	88,7%	89,4%
1	Tổng Tiêu thụ xi măng các loại :	<i>Tấn</i>	373.031	63,8%	121,1%
*	<i>Xi măng bao PCB-30</i>	<i>tấn</i>	60.039		

*	<i>Xi măng bao PCB 40</i>	<i>tấn</i>	23.828		
*	<i>Xi măng PCB 40 rời</i>	<i>tấn</i>	246.291		
*	<i>Xi măng PCB 30 rời</i>	<i>tấn</i>	42.872		
2	Tổng tiêu thụ Clinker các loại	Tấn	438.392	132,8%	73,1%
II	Tiêu thụ than các loại	Tấn	299.159	92%	74,9%
1	Xí nghiệp Than Uông Bí	<i>tấn</i>	213.894		
2	Xí nghiệp Than Đông Triều	<i>tấn</i>	85.264		
III	Tiêu thụ đá các loại	M3	784.995	86,3%	89%
C	DOANH THU CÔNG TY XI MĂNG	Đồng	1.310.163.032.810	100,8%	103,2%
*	<i>Doanh thu xi măng+ Clinker Lam Thạch</i>	Đồng	623.760.608.051		
*	<i>Doanh thu Than</i>	Đồng	205.683.907.525		
*	<i>Doanh thu Xí nghiệp Đá Uông Bí</i>	Đồng	35.127.660.669		
*	<i>Doanh thu thi công cơ giới, vận chuyển bốc xúc, xây lắp</i>	Đồng	175.947.113.371		
*	<i>Doanh Thu Khác</i>	Đồng	269.643.743.194		
D	TỔNG NỢP NGÂN SÁCH	Đồng	46.814.871.601	156%	84,2%

2. Đánh giá tình hình sản xuất:

1. Sản xuất và tiêu thụ Xi măng và Clinker:

Tổng sản lượng sản xuất 823.608 tấn, đạt 88,6% so với kế hoạch và 91,7% so với cùng kỳ; tiêu thụ 811.424 tấn Xi măng và Clinker các loại, đạt 88,7% so với kế hoạch và 89,4% so với cùng kỳ.

1.1 Nhà máy Xi măng Lam Thạch II:

Sau nhiều năm hoạt động trong môi trường khắc nghiệt, dây chuyền thiết bị đã vào thời kỳ cần sửa chữa thay thế, cải tạo nâng cấp, đặc biệt là những thiết bị lớn như: cụm máy nghiền liệu, lò nung, nhà làm nguội, tháp trao đổi nhiệt do đó mất nhiều thời gian cho việc sửa chữa, xử lý sự cố, bên cạnh đó là nguồn nguyên liệu đáp ứng cho sản xuất không ổn định, điện lưới gặp sự cố nhiều (43 lần trong năm 2014) từ đó làm ảnh hưởng đến thời gian hoạt động và năng suất chất lượng sản phẩm. Kết quả năm 2014: Nghiền bột liệu: 1.178.851 tấn, Sản xuất Clinker: 720.677 tấn (Trong đó: Xi măng xuất bán: 373.076 tấn, Clinker xuất bán: 438.392 tấn, Tổng xuất Clinker và Xi măng: 811.469 tấn, Thu nhập bình quân đạt 5,35 triệu đồng/người/tháng bằng 110% so với năm 2013.

1.2 Nhà máy xi măng Lam Thạch:

Nhà máy được chuyển đổi mô hình cho thuê khoán, sau 17 tháng đi vào sản xuất kinh doanh, do dây chuyền thiết bị cũ, mất nhiều thời gian, chi phí cho việc sửa chữa, đặc biệt trong năm 2014 sự cố gãy trục ghi lò đã phải dừng sản xuất 1 tháng, tuy nhiên tập thể CBCNV Nhà máy đã đoàn kết thống nhất cùng chia sẻ, vượt qua khó khăn, chủ động áp dụng các giải pháp cải tiến hợp lý hóa sản xuất, tận dụng cơ hội khi tiêu thụ được sản phẩm mang lại lợi ích thiết thực, tiết kiệm lao động, vật tư nguyên liệu, giảm giá thành, tạo ra lợi thế cạnh tranh góp phần tạo việc làm và tăng

thu nhập cho người lao động, Kết quả: Sản xuất Clinker: 51.193 tấn; Tiêu thụ Clinker: 29.310 tấn; Nghiền xi măng các loại: 38.087 tấn; Tiêu thụ Clinker và Xi măng: 67.643 tấn; Thu nhập bình quân đạt 4.950.000, đồng/người/tháng; Tổng doanh thu đạt: 50,9 tỷ đồng.

2. Sản xuất và tiêu thụ than các loại:

Do yêu cầu trong việc thực hiện các quy định về quản lý Nhà nước trong hoạt động khai thác khoáng sản và bảo vệ môi trường tiếp tục nghiêm ngặt và chặt chẽ hơn.

Hợp đồng giao thầu với Công ty cổ phần than Vàng Danh - TKV gặp nhiều khó khăn do công tác tiêu thụ phụ thuộc vào tình hình tiêu thụ của tập đoàn TKV nên có những thời điểm than tồn kho lớn làm ảnh hưởng đến sản xuất, đồng thời các diện sản xuất nằm trong khu vực khai thác lại các trụ than bảo vệ lên áp lực lớn, không ổn định... làm tăng chi phí sản xuất, năng xuất lao động không cao và khó khăn trong việc kiểm soát sản xuất.

Sản phẩm than khối Bắc mỏ than Đông Tràng Bạch có chất lượng thấp. Mặt khác do không có bến cảng nên không chủ động trong việc dự trữ, chế biến và tiêu thụ than, hệ thống khai thác ngày càng xuống sâu và tiến xa làm tăng chi phí cho công tác chống giữ củng cố đường lò, thông gió, thoát nước, vận tải.. thời tiết mưa lũ kéo dài cũng gây không ít khó khăn cho SXKD.

Nhưng với tinh thần đoàn kết tập trung ý chí, phát huy nội lực và chủ động sáng tạo trong công việc, từng bước tháo gỡ khó khăn hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD được giao, ổn định đời sống, việc làm cho cán bộ công nhân lao động.

Kết quả: Tổng sản lượng sản xuất: 317.995 tấn, tiêu thụ 299.159 tấn.

2.1 Xí nghiệp than Uông Bí:

Sản lượng than khai thác: 234.471 tấn đạt 102% so với kế hoạch năm, sản lượng tiêu thụ: 213.894 tấn (trong đó khu giao thầu Vàng Danh: 102.634 tấn, khu Đông Tràng Bạch: 111.260 tấn), doanh thu: 135,3 tỷ đồng, trích nộp Công ty: 9,9 tỷ đồng đạt 111% so với kế hoạch, tiền lương bình quân: khối hầm lò đạt 7,5 triệu đồng, khối mặt bằng đạt 4 triệu đồng.

2.2 Xí nghiệp Khai thác và Kinh doanh than Đông Triều:

Sản lượng sản xuất: 83.524 tấn than nguyên khai (72.448 tấn than sạch) đạt 104,4% kế hoạch năm; than tiêu thụ: 73.327 tấn than sạch (tương đương 85.264 tấn than nguyên khai), đạt 106,58% kế hoạch năm; Doanh thu: 68, 2 tỷ đồng đạt 124% so với kế hoạch; Lợi nhuận: 2,3 tỷ đồng đạt 115% so với kế hoạch; 121% so với cùng kỳ; Trích nộp Công ty: 3,38 tỷ đồng, đạt 122% so với kế hoạch, 102% so với cùng kỳ; Thu nhập bình quân trên 8 triệu đồng, đạt 100% so với kế hoạch.

3. Sản xuất và tiêu thụ đá:

Năm 2014 là một năm, lĩnh vực sản xuất đá gặp rất nhiều khó khăn trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, một số diện sản xuất chưa giải phóng được khoảng cách an toàn, dẫn tới sản xuất bị hạn chế. Công ty cổ phần Núi Rùa, vừa xây dựng mỏ vừa khai thác, đến hết tháng 6 mới cơ bản xong và đi vào khai thác nhưng gặp rất nhiều khó khăn do chưa giải phóng xong mặt bằng theo yêu cầu của dân có ruộng xung quanh mỏ nên ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất.

Tuy nhiên, tập thể CBCNV Xí nghiệp đá Uông Bí, Công ty cổ phần Núi Rùa đã đoàn kết nhất trí tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, động viên toàn thể CBCNV hăng say lao động sản xuất, cố gắng phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản

xuất công ty giao, đời sống CBCNV từng bước được nâng lên, tạo tiền đề cho sản xuất vững chắc:

3.1 Xí nghiệp đá Uông Bí:

Sản xuất và tiêu thụ đá các loại đạt: $950.558 \text{ m}^3 = 105.61\% \text{ KH} = 103.32\%$ so với cùng kỳ, trong đó: Đá cấp phục vụ Nhà máy XM Lam Thạch: 51.476 m^3 ; Đá cấp phục vụ Nhà máy XM Lam Thạch II: $603.641.3 \text{ m}^3$; Đá thương phẩm: 269.033 m^3 ; Thu nhập bình quân đạt $5.150.000$ đồng/người/tháng. Ngoài ra đã thực hiện cung cấp đá cho 2 Nhà máy Xi măng Lam Thạch đảm bảo số lượng, chất lượng theo yêu cầu. Tổng sản lượng đá cấp cho 2 Nhà máy xi măng Lam Thạch năm 2014 đạt 655.117 m^3 : Trong đó: Cấp cho Nhà máy Lam Thạch: 51.476 m^3 ; Cấp cho Nhà máy Lam Thạch II: 603.641 m^3 .

3.2 Công ty Cổ phần Núi Rùa:

Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn song được sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh, sự phối kết hợp chặt chẽ của xí nghiệp đá Uông Bí. Công ty Núi Rùa đã triển khai xây dựng cơ bản mỏ Núi Rùa và đã đưa mỏ vào khai thác từ tháng 7/2014. Tiếp tục đầu tư mở rộng máng bãi chứa đá thương phẩm dây chuyền số 4, từ tháng 11/2014 thực hiện Nghị quyết của Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh về tái cơ cấu lại Xí nghiệp đá Uông Bí, Công ty Núi Rùa đã tiếp nhận của Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh 2 dây chuyền nghiền sàng đá số 2 và số 3 với số vốn 30 tỷ đồng.

Kết quả năm 2014, đơn vị đã đạt được một số kết quả quan trọng sản xuất kinh doanh và xây dựng cơ bản như: Thi công xây dựng cơ bản Mỏ Núi Rùa: 15.351 m^3 ; San mặt bằng bãi chứa đá thương phẩm: 6.673 m^3 ; Sản xuất đá hộc: 64.401 m^3 ; Sản xuất, tiêu thụ đá thương phẩm: 179.646 m^3 ; Doanh thu tiêu thụ đạt: 21,9 tỷ đồng; Nộp ngân sách đạt: 3,9 tỷ đồng; Lợi nhuận đạt 1,08 tỷ đồng, hiện tại cả 3 dây chuyền gia công chế biến đá hoạt động ổn định cho ra sản phẩm đá thương phẩm chất lượng tốt, được khách hàng tín nhiệm.

4. Lĩnh vực xây lắp:

4.1 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Uông Bí:

Ngoài sản lượng công trình của năm 2013 chuyển sang, năm 2014 đơn vị đã chủ động quan tâm tham gia dự thầu và đấu thầu các công trình có vốn như (Trạm thú y Thành phố; Thi công xây dựng và lắp đặt hệ thống cấp nước từ sông Giá cho Dự án dựng trạm tái chế, tái sử dụng nhiệt khí thải để phát điện của Công ty Xi măng ChinFon; Mở rộng nhà giao ca công trường Giếng Vàng Danh; Nhà văn hóa khu 8 phường Bắc Sơn; phục hồi hệ sinh thủy và đường bảo vệ rừng, PCCC rừng đoạn từ dốc Hạ Kiêu đến trạm bảo vệ rừng số 2; nâng cấp xây dựng trạm bảo vệ số 1, số 3 Chùa Suối Tắm thuộc Dự án rừng Quốc gia Yên Tử; cung cấp lắp đặt thiết bị và thi công xây dựng trạm xử lý nước thải sinh hoạt thuộc Công ty cổ phần than Vàng Danh... kết quả giá trị sản lượng thực hiện: 60,8 tỷ đồng, đạt 110,6% so với kế hoạch, doanh thu: 54,2 tỷ đồng đạt 108,5% so với kế hoạch, lợi nhuận: 573,1 triệu đồng đạt 136% so với kế hoạch, lương bình quân đạt (4) triệu đồng.

4.2 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng An Khang:

Năm 2014 là một năm có nhiều biến động, đối với đơn vị, trước hết đó là việc sáp nhập Xí nghiệp Xây dựng Móng Cái vào Xí nghiệp Xây dựng Hạ Long, tại thời điểm sáp nhập tình hình công việc ít, số lượng lao động lại tăng lên, Xí nghiệp Xây dựng Hạ Long phải giảm giờ làm, bên cạnh đó tình hình tài chính công nợ tồn đọng

nhiều, khả năng thu hồi thấp. Tháng 9/2014 thực hiện chủ trương của Công ty, Xí nghiệp đã chuyển đổi mô hình hoạt động thành Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng An Khang, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, được sự quan tâm của Đảng ủy, Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh, sự nỗ lực, thống nhất đoàn kết đồng lòng của tập thể CBCNVLĐ, đã giúp đơn vị vượt qua giai đoạn khó khăn, bước đầu ổn định, đã giải quyết xong 90% phần tồn đọng của Xí nghiệp xây dựng Móng Cái, Sản lượng xây lắp đạt: 9,5 tỷ đồng, sản lượng tiêu thụ xi măng đạt: 3,5 tỷ đồng, Doanh thu đạt: 13,9 tỷ đồng, thu nhập bình quân đạt: 3,5 triệu đồng.

5. Lĩnh vực Thi công cơ giới:

Năm 2014, Xí nghiệp tiếp tục thực hiện hợp đồng khoan, bốc xúc vận chuyển đất đá, bốc xúc vận chuyển than nguyên khai với Công ty Vietmido tại khai trường Uông Thượng với sản lượng lớn 5,5 triệu m³ đất đá và 921.000 tấn than, trong khi điều kiện thi công ngày càng khắc nghiệt, diện sản xuất thiếu, đường vận chuyển không có, nổ mìn không đủ đất đá để bốc xúc vận chuyển, tình hình an ninh trật tự vô cùng phức tạp, thiết bị máy móc ngày càng xuống cấp... đến ngày 30/09/2014 đã hết hạn hợp đồng, hiện nay việc thương thảo ký hợp đồng mới gặp rất nhiều khó khăn do các thành phần kinh tế tập trung vào bỏ thầu giá thấp, nên đến nay, đơn vị vẫn đang tập trung bám sát đối tác sớm hoàn thành việc ký hợp đồng mới trong thời gian sớm nhất, do vậy tình hình hoạt động của đơn vị gặp nhiều khó khăn, CNVC-LĐ phải nghỉ chờ đợi, các nhà thầu phụ gần như chuyển đi làm nơi khác. Kết quả năm 2014: Tổng sản lượng đất đá đạt: (2,7) triệu M³; Sản lượng than đạt: (504) ngàn tấn, Tổng doanh thu đạt: (171,4) tỷ đồng; trích khấu hao đạt trên (2) tỷ đồng; trích nộp Công ty đạt (3,1) tỷ đồng; thu nhập bình quân đạt: (4,5) triệu đồng.

6. Công tác đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, quản lý các dự án và tài nguyên khoáng sản:

+ Dự án khôi Nam, mỏ than Đông Tràng Bạch: Đang tập trung hoàn thiện thủ tục chuẩn bị đầu tư và triển khai thi công các hạng mục của dự án đảm bảo tiến độ theo kế hoạch.

+ Đã hoàn thành thủ tục chuyển nhượng dự án Cầu cảng KCN Cái Lân, dự án bãi chứa hàng Quang Minh, trụ sở văn phòng Móng Cái, chuyển đổi mô hình hoạt động Khách sạn Hồng Gai.

+ Thực hiện giải quyết những tồn tại, vướng mắc, hoàn thiện các thủ tục pháp lý liên quan các dự án hạ tầng khu vực Cẩm Phả và Uông Bí.

+ Đối với dự án KCN Cái Lân: Đã tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thứ cấp trong KCN thực hiện (thu tiền thuê đất, phí dịch vụ hạ tầng, phí hỗ trợ môi trường, công tác vệ sinh môi trường, an ninh trật tự...) được đảm bảo.

8. Một số kết quả khác:

+ Thực hiện công tác rà soát sắp xếp bộ máy tổ chức nhân lực khối Văn phòng Công ty kết quả: Nhân lực giảm khoảng 20% so với đầu năm 2014 và giảm 30% so với đầu năm 2013; tiền lương giảm khoảng 11% so với đầu năm 2014, tương đương giảm 52,7 triệu đồng và giảm 29% so với đầu năm 2013, tương đương giảm 218 triệu đồng.

+ Hoàn thành việc chuyển đổi mô hình hoạt động Đội cơ giới Công ty từ tháng 04/2014, Xí nghiệp xây dựng Hạ Long thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng An Khang từ tháng 8/2014, Khách sạn Hồng Gai thành Công ty CP Thương mại & Du

lich Hà Thành từ tháng 12/2014, thực hiện bố trí, sắp xếp và giải quyết các chế độ liên quan cho người lao động tại các đơn vị chuyển đổi theo quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

+ Thực hiện tái cơ cấu, kiện toàn tổ chức sản xuất của toàn Công ty: Từ 12 đơn vị trực thuộc còn 6 đơn vị (trong đó chuyển đổi mô hình công ty cổ phần 3 đơn vị); Từ 12 Phòng ban nghiệp vụ Công ty còn 7 phòng ban; thực hiện thoái vốn 5 Công ty con; Thành lập 3 Công ty mới theo yêu cầu sản xuất và chuyển đổi mô hình hoạt động.

+ Thực hiện phân bổ kinh phí tham quan nghỉ mát năm 2014, theo thỏa ước lao động tập thể, với tổng số tiền trên 200 triệu đồng.

+ Tổ chức thành công Hội nghị người lao động năm 2014 từ các đơn vị trực thuộc đến Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 và đã thực hiện thanh toán cổ tức năm 2012 tỷ lệ 1,3% với tổng số tiền thanh toán cho các cổ đông 2,4 tỷ đồng.

+ Công tác tiêu thụ sản phẩm được giữ vững, đã mở thêm các thị trường xuất khẩu Xi măng, tổng sản lượng tiêu thụ Xi măng và Clinker các loại đạt 811.424 tấn, trong đó tiêu thụ Xi măng các loại: 373.031 tấn, đạt 121,1% so với cùng kỳ, tiêu thụ Clinker: 438.329 tấn đạt 132,8% so với kế hoạch.

+ Công tác tham mưu giúp việc của các Phòng ban nghiệp vụ Công ty cũng đã có nhiều cố gắng, giải quyết kịp thời các công việc được giao.

+ Công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động, công tác môi trường, an ninh trật tự được chú trọng quan tâm, đã tổ chức thành công Tuần lễ quốc gia về AT-VSLĐ lần thứ 16, ngày môi trường Thế giới 5/6, tổ chức các cuộc kiểm tra về an toàn bảo hộ lao động, kiểm tra nhân lực chế độ tiền lương, công tác nghiệm thu, kiểm kê vật tư tài sản được thực hiện định kỳ theo quy định, tuy nhiên trong quý IV/2014 tại Xí nghiệp than Uông Bí đã xảy ra vụ tai nạn lao động chết người do lỗi của người lao động.

+ Công tác vệ sinh môi trường tại các đơn vị, khu vực (sản xuất xi măng, sản xuất đá, KCN Cái Lân...) công tác kiểm soát, quản lý chất lượng vật tư hàng hóa đầu vào, công tác vận hành, bảo dưỡng máy móc thiết bị, công tác kiểm tra, giám sát, công tác chỉ đạo và tổ chức sản xuất...còn có những tồn tại, cần được khắc phục, chấn chỉnh.

+ Công tác phối hợp và hoạt động của các tổ chức đoàn thể được thực hiện tốt, đã phát huy được vai trò hiệu quả của từng tổ chức.

3. Công tác thực hiện chế độ cho người lao động.

Chấp hành nghiêm các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt các quy chế, các nội quy, quy định của doanh nghiệp, ký kết và thực hiện thỏa ước tập thể theo Bộ luật lao động, BHXH, BHYT, BHTN.

- Đảm bảo việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động, với tổng thu nhập bình quân của người lao động toàn Công ty năm 2014 đạt 6 triệu đồng/người/tháng, Khối văn phòng Công ty đạt 4,2 triệu đồng/người/tháng, Đơn vị có lương bình quân cao nhất đạt 8 triệu đồng, đơn vị có lương bình quân thấp nhất đạt 2,8 triệu đồng.

- Phân bổ kinh phí tham quan nghỉ mát cho các đơn vị trong toàn Công ty với số tiền 301,7 triệu đồng. Nhiều đơn vị căn cứ vào tình hình và điều kiện tại đơn vị cũng đã tổ chức cho CBCNV LĐ đi tham quan nghỉ mát đầy ý nghĩa.

- Thường xuyên duy trì và nâng dần mức ăn công nghiệp, đảm bảo chất lượng, định lượng cho người lao động.

- Điều chỉnh tiền lương, đơn giá khoán, các chế độ liên quan đến người lao động khi Nhà nước thay đổi tiền lương theo quy định.
- Hỗ trợ chi phí giám định sức khỏe, trợ cấp và hỗ trợ tiền lương cho người lao động về hưu trước tuổi, chấm dứt hợp đồng lao động và các chế độ khác theo quy định nhà nước đối với nhân lực Khối văn phòng Công ty, Khách sạn Hồng Gai (do tái cơ cấu tiết giảm nhân lực, chuyển đổi mô hình hoạt động), với tổng số tiền 495 triệu đồng.
- Công tác đền ơn, đáp nghĩa, nhân đạo từ thiện đặc biệt được quan tâm, đã vận động CBCNV-LĐ toàn Công ty tích cực hưởng ứng tham gia với tổng số tiền là 152,4 triệu đồng.

4. Công tác tổ chức và nhân sự

** Danh sách Ban điều hành tính tại thời điểm 12/03/2015:*

1. Ông: Cao Quang Duyệt – Chủ tịch HĐQT Công ty
2. Ông: Đinh Đức Hiền - Tổng giám đốc Công ty.
3. Ông: Phan Ngô Chứ - Phó tổng giám đốc Công ty.
4. Ông: Phạm Văn Điện - Phó tổng giám đốc Công ty.
5. Ông: Nguyễn Trường Giang – Phó Tổng giám đốc Công ty (được bổ nhiệm ngày 03/02/2015)
6. Ông Phạm Quốc Hùng – Phó Tổng giám đốc Công ty (được bổ nhiệm ngày 03/02/2015)
7. Bà: Đặng Thu Hương - Kế toán Trưởng Công ty.

*** Tóm tắt lý lịch các cá nhân trong Ban điều hành Công ty:**

1. Ông: Cao Quang Duyệt : Chủ tịch HĐQT Công ty.

Chức vụ hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

Giới tính: Nam

Sinh ngày 17 tháng 08 năm 1947.

Quê quán: Hoa Lư – Đông Hưng – Thái Bình

Nơi ở hiện nay: Số nhà 376, Quang Trung, Ưông Bí, Quảng Ninh.

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND số: 100626747 , do Công an tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 01/11/2004.

Trình độ văn hóa: 10/10

Số điện thoại: 033. 3841 648, di động: 0913.262.274.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác mỏ

Quá Trình công tác:

- * 01/1965 đến 5/1967: Tổ trưởng sản xuất Mỏ than Vàng Danh.
- * 06/1967 đến 11/1968: Thực tập sinh tại Liên xô cũ.
- * 12/1968 đến 9/1974 : Phó quản đốc, Đảng ủy viên Mỏ than Vàng Danh.
- * 10/1974 đến 8/1982: Theo học tại trường bổ túc văn hóa Trung ương và Trường Đại học Mỏ địa chất Hà Nội.
- * 09/1984 đến 5/1986: Thường trực Đảng uỷ Mỏ Than Vàng Danh.
- * 06/1988 đến tháng 06/1988: Học viên Trường Đảng cao cấp.
- * 07/1988 đến tháng 05/1990: Phó giám đốc xí nghiệp than Ưông Bí.
- * 06/1990 đến tháng 12/1996: Giám đốc xí nghiệp Than Ưông Bí.
- * 01/1997 đến tháng 03/1998: Giám đốc Công ty XM và Xây dựng Ưông Bí.

* 04/1998 đến tháng 03/2005: Bí thư Đảng Ủy, Giám đốc Công ty Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

* 04/2005 đến tháng 05/2010: Bí thư Đảng Ủy, Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

* Từ tháng 06/2010 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

2. Ông: Đinh Đức Hiền: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty.

Chức vụ hiện nay: Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

Giới tính: Nam

Sinh ngày 14 tháng 01 năm 1956.

Quê quán: Hiệp hòa – Yên Hưng – Quảng Ninh

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND: 100003873

Địa chỉ thường trú: Trung Vương – Uông bí – Quảng Ninh

Số điện thoại cơ quan: 033.3841 656

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác:

* Từ tháng 04/1975 đến tháng 04/1976: Thực tập sinh tại Thiên tân Trung Quốc.

* Từ tháng 05/1980 đến tháng 04/1985: Sinh viên Trường Đại học XD Hà Nội.

* Từ tháng 05/1985 đến tháng 09/1994 : Cán bộ kỹ thuật Ban quản lý công trình Sở xây dựng Quảng Ninh, Phó trưởng phòng kinh tế kế hoạch Công ty xây dựng Nhà ở Uông Bí.

* Từ tháng 10/1994 đến tháng 10/1996: Phó Giám đốc, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy Công ty xây dựng nhà ở Uông Bí.

* Từ tháng 11/1996 đến tháng 03/1997: Phó Giám đốc Công ty kinh doanh nhà ở Quảng Ninh.

* Từ tháng 04/1997 đến tháng 03/1998: Phó giám đốc Công ty xi măng và xây dựng Uông Bí.

* Từ tháng 04/1998 đến tháng 03/2005: Phó giám đốc Công ty Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

* Từ tháng 04/2005 đến tháng 05/2010: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

* Từ tháng 06/2010 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

3. Ông: Phạm Văn Điện: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc.

Chức vụ hiện nay: Ủy viên HĐQT, Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

Giới tính: Nam

Ngày/tháng/năm sinh: 25/02/1960

Quê quán: Hưng đạo – Chí Linh – Hải Dương.

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND: 100740561

Địa chỉ thường trú: C8 ngõ 156 Lạc Trung, Phường thanh lương-Hai Bà Trưng -Hà Nội

Số điện thoại cơ quan: 033.3819 089

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác:

* Từ tháng 01/1990 đến tháng 04/1992: Tiểu đoàn trưởng

* Từ tháng 05/1992 đến tháng 02/1997: Phó giám đốc Xí nghiệp xây dựng Uông Bí.

* Từ tháng 03/1997 đến tháng 07/2009: Giám đốc Xí nghiệp xây dựng Uông Bí.

* Từ tháng 08/2009 đến nay: Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

4. Ông: Phan Ngô Chứ: Phó Tổng giám đốc Công ty

Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám đốc công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh

Giới tính: Nam

Ngày/tháng/năm sinh: 02/02/1958

Quê quán: Vũ Chính – Vũ Thư – Thái Bình

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND: 100786565

Địa chỉ thường trú: Thanh Sơn – Uông bí – Quảng Ninh

Số điện thoại cơ quan: 033.3841 646

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác mỏ hầm lò

Quá trình công tác:

* Từ tháng 12/1988 đến tháng 12/1989: Cán bộ phòng thiết kế Công ty Than Uông Bí - Phó Ban kỹ thuật mỏ Trường CNKT mỏ Việt Xô.

* Từ tháng 01/1990 đến tháng 12/1996: Trưởng phòng Kỹ thuật xí nghiệp Than Uông Bí - Phó ban quản lý công trình Nhà máy xi măng Lam Thạch

* Từ tháng 01/1997 đến tháng 10/1997: Giám đốc Nhà máy Xi măng Lam Thạch.

* Từ tháng 11/ 1997 đến tháng 09/2001: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Xi măng và xây dựng Quảng Ninh.

* Từ tháng 10/2001 đến tháng 03/2005: Phó Giám đốc Công ty Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

* Từ tháng 04/2005 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh.

5. Ông: Linh Thế Hưng: Thành viên HĐQT Công ty

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

- Giới tính: Nam – Quốc tịch: Việt Nam

- Ngày tháng năm sinh: 25/01/1958

- Địa chỉ thường trú: Khu 9 - Phường Bãi Cháy - TP Hạ Long - Quảng Ninh

- Trình độ văn hóa: 10/10

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

- Trình độ lý luận: Cao cấp lý luận

Quá trình công tác:

- Từ năm 1977 đến năm 1983: Cán bộ kỹ Thuật - Viện Thiết kế kiến trúc Quảng Ninh.

- Từ năm 1983 đến năm 1985: Cán bộ Kỹ thuật - Công ty Xây dựng Số 2 Quảng Ninh.
- Từ năm 1985 đến năm 1987: Phó phòng nghiệp vụ - Trường công nhân Kỹ thuật xây dựng Quảng Ninh.
- Từ năm 1987 đến năm 1995: Đội trưởng Thi công - Công ty xây dựng Ưông Bí Quảng Ninh.
- Từ năm 1995 đến năm 1998: Phó ban quản lý dự án - Xí nghiệp than Ưông Bí.
- Từ năm 1998 đến năm 2000: Trưởng phòng Kỹ thuật xây dựng - Công ty Xi măng và xây dựng Quảng Ninh.
- Từ năm 2000 đến năm 2007: Giám đốc Xí nghiệp xây dựng Hạ Long - Công ty cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh.
- Từ năm 2007 đến năm 2009: Giám đốc Xí nghiệp xây dựng Móng Cái – Công ty cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh.
- Từ năm 2009 đến tháng 6/2010: Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Phương Nam 135.
- Từ tháng 6 năm 2010 đến ngày 12/07/2013: Giữ chức vụ:
 - + Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.
 - + Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng - Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

7. Ông. Nguyễn Long Giang: Thành viên HĐQT Công ty.

- Ngày tháng năm sinh: 15/03/1976.
- Nguyên quán: Thôn Thanh Lê, xã Triệu Trung, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: Tổ 2, khu 6, Phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.
- Số CMND: 100655067, do Công an tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 12/04/2004.

Quá trình công tác:

Từ 18 - 22 tuổi	Sinh viên – Trường Đại học tại Hà Nội
Từ 23 – 25 tuổi	Phó giám đốc – Công ty TNHH Mũi Ngọc Quảng Ninh
Từ 26 – 28 tuổi	TP. Đầu tư - Kinh doanh - Công ty CP đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà Quảng Ninh
Từ 29 – 36 tuổi	Chủ tịch HĐQT - Công ty CP đầu tư xây dựng Thành Thắng
Hiện nay	Giám đốc – Công ty CP xây dựng và phát triển nhà ở Quảng Ninh

* Trình độ học vấn, nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ: Thạc sĩ quản trị kinh doanh; Cử nhân quản trị kinh doanh; Tiếng Anh.

• Chức vụ hiện nay:

- + Giám đốc - Công ty Cổ phần xây dựng và phát triển nhà ở Quảng Ninh.
- + Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh nhiệm kỳ 2010 – 2015. (được bầu bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông năm 2013, ngày 15/4/2013)

5. Ông: Nguyễn Trường Giang: Thành viên HĐQT, Phó TGD Công ty:
 Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty CP Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

- Giới tính: Nam – Quốc tịch: Việt Nam
- Ngày tháng năm sinh: 02/01/1970.
- Quê quán: Xã Mỹ Thọ, Huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
- Nơi ở hiện nay: Phường Yên Thanh — Thành phố Uông Bí - Tỉnh Quảng Ninh.
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế Công nghiệp.
- Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp lý luận Hành chính.

Quá trình công tác:

T11/1993 - T10/1994	Giáo viên trường CNKT cơ giới và Xây dựng Uông Bí tham gia Ủy viên BCH đoàn trường.
T11/1994 - T6/1995	Thống kê phân xưởng khai thác hầm lò Vàng Danh - Xí nghiệp than Uông bí
T7/1995 - T12/1996	Phó quản đốc phân xưởng đá san nền Xí nghiệp than Uông bí. Bí thư chi đoàn Xí nghiệp
T1/1997 - T3/1997	Phó quản đốc phân xưởng lộ thiên Vàng danh - Công ty xi măng và Xây dựng Uông bí - Bí thư đoàn Thanh niên Công ty.
T4/1997 - T9/1997	Nhân viên phòng kỹ thuật Công ty xi măng và Xây dựng Uông bí. Bí thư đoàn thanh niên công ty - Ủy viên BCH Thị đoàn Uông bí.
T10/1997 - T3/1999	Đội trưởng đội cơ giới số II Công ty xi măng và Xây dựng Uông bí. Bí thư đoàn thanh niên Công ty - Ủy viên BCH Thị đoàn Uông Bí - Ủy viên BCH Đảng ủy Ủy Công ty - Ủy viên BCH Công đoàn Công ty.
T4/1999 - T3/2000	Đội trưởng đội cơ giới Công ty xi măng và Xây dựng Uông bí. Bí thư đoàn thanh niên Công ty - Ủy viên BCH Thị đoàn Uông bí - Ủy viên BCH Đảng ủy Công ty - Ủy viên BCH Công đoàn Công ty.
T4/2000 - T11/2006	Đội trưởng Đội cơ giới Cái Lân - Công ty Cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh - Bí thư Chi bộ
T12/2006 - T3/2010	Bí thư Đảng bộ bộ phận - Giám Đốc Xí nghiệp than Uông Bí.
T4/2010 - nay	Ủy viên BCH Đảng bộ, TV HĐQT Công ty CP xi măng và xây dựng Quảng Ninh - Bí thư Đảng bộ bộ phận, Giám Đốc Xí nghiệp than Uông Bí.
T2/2015 - nay	- Phó Tổng giám đốc Công ty CP Xi măng và XD Quảng Ninh.

7. Ông: PHẠM QUỐC HÙNG: Phó Tổng giám đốc Công ty.

- Ngày sinh: 05/8/1965 - Giới tính: Nam - Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Đông Vinh, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình;
- Địa chỉ thường trú hiện nay: Tổ 6 khu 11, Phường Thanh Sơn, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh;
- Số CMND: 100619103 cấp ngày 23/9/2010 tại CA Quảng Ninh;
- Chức vụ chuyên môn hiện nay: Phó tổng giám đốc Công ty; Giám đốc Xí nghiệp đá Uông Bí;
- Chức vụ Đảng hiện nay: Bí thư Đảng bộ bộ phận Xí nghiệp đá Uông Bí;
- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Th.S Khai thác mỏ; KS khai thác mỏ hầm lò;
- Trình độ chính trị: Trung cấp;
- Ngày vào Đảng: 19/4/1993.
- Hệ số lương đang hưởng: 5,98.

Quá trình công tác:

TT	Thời gian (Từ tháng... năm... đến tháng ... năm...)	Đơn vị công tác	Chức vụ năm giữ/công việc đảm nhiệm
1	10/1988 ÷ 12/1990	Xí nghiệp XL mỏ Vàng Danh	Công nhân
2	01/1991 ÷ 05/1994	Xí nghiệp than Uông Bí	P.Quản đốc PX
3	06/1994 ÷ 01/1997	XN Than Uông Bí - PX.Yên Tử	Đội trưởng
4	02/1997 ÷ 12/2001	Xí nghiệp than Uông Bí	P.Giám đốc
5	01/2002 ÷ 05/2006	C.Ty Cp xi măng và XD QN	TP.Kỹ thuật
6	06/2006 ÷ 03/2009	NMXM Lam Thạch II	Phó Giám đốc
7	04/2009 ÷ 02/2010	C.Ty Cp xi măng và XD QN	PGĐ Ban QLDA
8	03/2010 ÷ Nay	Xí nghiệp đá Uông Bí	Giám đốc Xí nghiệp
9	02/2015 ÷ Nay	Công ty CP Xi măng và Xây dựng QN	Phó Tổng giám đốc

8. Bà: Đặng Thu Hương: Kế toán Trưởng Công ty:

Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng Công ty CP Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh

Giới tính: Nữ

Sinh ngày 11/03/1968

Quê quán: Kim Sơn – Đông Triều – Quảng Ninh

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND: 100471770

Địa chỉ thường trú: Quang Trung – Uông Bí – Quảng Ninh.

Số điện thoại cơ quan: 033.3841 655

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

* Từ tháng 12/1986 đến 10/1987: Nhân viên Xí nghiệp xây dựng Thủy lợi II Yên Hưng, Quảng Ninh.

* Từ tháng 11/1987 đến 03/1995: Nhân viên Công ty xây dựng Nhà ở Uông Bí – Quảng Ninh.

* Từ tháng 04/1995 đến tháng 01/1997: Nhân viên Xí nghiệp than Uông Bí.

* Từ tháng 02/1997 đến tháng 04/2005: Nhân viên phòng Kế toán Công ty xi măng và xây dựng Quảng Ninh.

* Từ tháng 05/2005 đến tháng 11/2011: Phó phòng Kế toán Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh

* Từ tháng 12/2011 đến nay: Kế toán Trưởng Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

*** Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành tính đến ngày 02/03/2015.**

TT	TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂN	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại Công ty	SỐ CMT			SL cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Địa chỉ
				Số	Ngày cấp	Nơi cấp			
1	2	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Cao Quang Duyệt	058C148888	Chủ tịch HĐQT	100626747	1/1/2004	CA Quảng Ninh	579,491	3.14%	SN 376-Quang Trung-Uông Bí-Quảng Ninh
2	Đình Đức Hiền	058C256689	TV HĐQT, TGD Công ty	100003873	30/07/1998	CA Quảng Ninh	430,586	2.33%	Trung Vương-Uông Bí-Quảng Ninh
3	Phạm Văn Điện	058C167888	TV HĐQT, PTGD Công ty	100740561	13/05/2002	CA Quảng Ninh	226,325	1.23%	Xí nghiệp xây dựng Uông Bí
4	Đào Thị Đàm	058C023888	TV HĐQT	141504175	1/8/2006	CA Hải Dương	199,253	1.08%	Mình Tân-Kinh Môn-Hải Dương
5	Linh Thế Hưng	058C134686	TV HĐQT	100019261	22/03/2006	CA Quảng Ninh	0	0	Bãi Cháy - Hạ Long - Quảng Ninh
6	Nguyễn Trường Giang	058C001435	TV HĐQT	100529623	21/10/2003	CA Quảng Ninh	171,026	0.93%	Yên Thanh-Uông Bí-Quảng Ninh
7	Nguyễn Long Giang		TV HĐQT	100655067	12/4/2004	CA Quảng Ninh	595,007	3,22%	T2, K6 Phường Hồng Hải, TP Hạ Long, QN
8	Hoàng Văn Thụy	058C599899	Trưởng ban Kiểm soát	100084656	13/6/1987	CA Quảng Ninh	73,958	0.40%	Thanh Sơn-Uông Bí-Quảng Ninh
9	Trần Quang Tịnh	058C225568	TV Ban kiểm soát	100014416	3/3/2009	CA Quảng Ninh	14,791	0.08%	Quang Trung-Uông Bí-Quảng Ninh
10	Nguyễn Ngọc Anh	058C001504	TV Ban kiểm soát	141970183	9/6/1997	CA Quảng Ninh	20,240	0.11%	Quang Hanh, Cẩm phá, Quảng Ninh
11	Phan Ngô Chú	058C001788	Phó TGD Công ty	100786565	7/4/2000	CA Quảng Ninh	28,408	0.15%	Khu 6-Thanh Sơn-Uông Bí-Quảng Ninh
12	Đặng Thu Hương	058C110368	Kế toán trưởng Công ty	100471770	01/09/2006	CA Quảng Ninh	21,970	0.12%	Quang Trung-Uông Bí-Quảng Ninh
13	Phạm Quốc Hùng	058C258115	Phó Tổng Giám đốc Công ty	100619103	23/09/2010	CA Quảng Ninh	102,490	0.56%	T6,K11, Phường Thanh Sơn, Uông Bí, QN

*** Những thay đổi trong Ban điều hành:**

+ Ông: Nguyễn Long Giang được bầu làm Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh nhiệm kỳ 2010 – 2015 . (tại Đại hội đồng cổ đông năm 2013, ngày 15/4/2013).

+ Ông: Linh Thế Hưng: Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh nhiệm kỳ 2010 – 2015, thôi giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh kể từ ngày 12/07/2013 (được HĐQT nhất trí thông qua tại cuộc họp HĐQT ngày 12/07/2013).

+ Tại cuộc họp ngày 02/02/2015, HĐQT Công ty đã thống nhất ra Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT; HĐQT đã quyết định số 08/QĐ-HĐQT và Quyết định số: 09/QĐ-HĐQT ngày 03/02/2015 về việc bổ nhiệm Ông Nguyễn Trường Giang giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Xí nghiệp than Uông Bí; Ông Phạm Quốc Hùng giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Xí nghiệp đá Uông Bí.

*** Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động**

+ Cơ cấu lao động:

Tính đến 31/12/2014, tổng số lao động trong toàn Công ty là: 2.132 người, (trong đó các Công ty CP thành viên: 147 người, chiếm 6,89%),

a) Phân loại lao động:

- + Lao động gián tiếp: 416 người, chiếm 19,5% (nữ 128).
- + Lao động trực tiếp: 1.716 người, chiếm 80,5% (nữ 303).
- + Hợp đồng không xác định thời hạn: 1.323 người, chiếm 62%.
- + Hợp đồng xác định thời hạn: 286 người, chiếm 13,4%.
- + Hợp đồng thời vụ: 523 người, chiếm 24,6%.

b) Trình độ:

- + Thạc sỹ: 14 người, chiếm 0,65% (nữ 3).
- + Đại học: 361 người, chiếm 16,9% (nữ 104).
- + Cao đẳng, trung cấp: 279 người, chiếm 13% (nữ 100).
- + Công nhân kỹ thuật: 1.179 người, chiếm 0,65% (nữ 101).
- + Lao động phổ thông: 299 người, chiếm 14,2% (nữ 123).

+ Chính sách đối với người lao động:

Công ty xác định nguồn nhân lực là nền tảng cho sự phát triển, do vậy các cán bộ công nhân viên của Công ty đều được đào tạo đầy đủ, Công ty thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho công nhân, thợ vận hành, hàng năm tổ chức hội thi tay nghề, nghiệp vụ nhằm khuyến khích động viên tinh thần học tập, nâng cao trình độ tay nghề của công nhân lao động. Đối với cán bộ quản lý công ty tổ chức các lớp đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ và mời các chuyên gia có kinh nghiệm và giảng viên của các trường đại học lên lớp.

Công ty có các chính sách quan tâm, đãi ngộ thỏa đáng nhằm khuyến khích động viên người lao động như:

- + Hàng năm có trên 40% người lao động được đi thăm quan nghỉ mát.
- + Hàng năm được nghỉ phép theo tiêu chuẩn và được công thêm ngày nghỉ thâm niên theo quy định của Bộ Luật lao động.

- + Hàng năm Công ty đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.
- + Việc trích nộp Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và Bảo hiểm xã hội cho người lao động luôn được Công ty thực hiện tốt theo quy định.
- + Công ty thực hiện chế độ làm việc 40h/tuần. Thực hiện việc trích bồi dưỡng và chế độ ăn ca, chống nóng và tiên chè nước cho người lao động.
- + Tổ chức chế độ nghỉ điều dưỡng, phục hồi chức năng cho người lao động có sức khỏe từ loại III trở lên hoặc mới ốm dậy.

5. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

- Trong năm qua trước tình hình kinh tế khó khăn, Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh cũng đã thu hẹp các mảng đầu tư, chủ yếu tập trung giải quyết những tồn đọng của các dự án còn dở dang.

- Dự án mới đã và đang được triển khai đầu tư trong năm:

+ Dự án đầu tư cải tạo Dây chuyền II - Nhà máy xi măng Lam thạch II - Phương Nam - Uông Bí - Quảng Ninh.

Tổng vốn đầu tư: 57.000.000.000đ,

Tiến độ dự án: Đến 31/12/2014 dự án đã hoàn thành 30% tiến độ công trình

+ Dự án Khai thác Mỏ than khối nam Đông Tràng Bạch - Phương Đông - Uông Bí - Quảng Ninh.

* Hình thức đầu tư: LIÊN DOANH, LIÊN KẾT (thông qua Hợp đồng Liên doanh góp vốn).

* Tổng vốn góp Liên doanh: 50 tỷ đồng (Năm mươi tỷ đồng).

- Giai đoạn 1: 30 tỷ (Ba mươi tỷ đồng).

- Giai đoạn 2: 20 tỷ (Hai mươi tỷ đồng).

Trong đó: Công ty CP Xi măng và xây dựng Quảng Ninh góp 52%/tổng vốn góp.

* Tổng giá trị đầu tư dự án Mỏ than là 149,65 tỷ đồng.

c) Các công ty con, công ty liên kết:

*** Các công ty con .**

☞ Tình hình sản xuất kinh doanh:

- Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2014, nhìn chung các Công ty con đều đạt kết quả khả quan trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tình hình tài chính năm 2014 các công ty con:

Đ.v tính: đồng

Chỉ tiêu	Công ty Cổ phần Thương mại Sông Sinh	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Uông Bí	Công ty Cổ phần Núi Rùa
Tổng giá trị tài sản	4.025.933.997	113.925.165.549	62.283.482.898
Doanh thu thuần	1.405.544.372	55.246.426.528	19.964.046.708
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	361.781.318	984.998.101	1.615.801.651
Lợi nhuận khác	23.727.271	-90.000.000	
Lợi nhuận trước thuế	385.508.589	894.998.101	1.615.801.651
Lợi nhuận sau thuế	308.406.872	383.516.222	649.067.523

4. Tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh năm 2013 và 2014.

a) Tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh năm 2013 và 2014. (nguồn báo cáo tài chính riêng)

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng (giảm) so với năm 2013
Tổng giá trị tài sản	2.099.695.530.762	1.953.433.013.606	-6,97
Doanh thu thuần	1.202.919.893.555	1.242.061.390.585	3,25
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-3.935.772.158	(9.638.652.067)	144,90
Lợi nhuận khác	12.591.617.098	26.469.187.762	110,21
Lợi nhuận trước thuế	8.655.844.940	16.830.535.695	94,44
Lợi nhuận sau thuế	5.731.408.049	10.394.633.505	81,36
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	5.141.463.826	9.541.187.268	85,57
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (số liệu tính theo nguồn Báo cáo riêng)

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,023	1,004	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho	0,685	0,621	
Nợ ngắn hạn			
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,902	0,891	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	9,227	8,191	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán	3,587	3,548	
Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,573	0,636	

<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,004	0,008
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,028	0,049
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,002	0,005
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	(0,003)	(0,008)
.....		

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (số liệu tính đến ngày 02/03/2015)

a) Cổ phần:

- Vốn điều lệ: 184.511.090.000, VND.
- Tổng số cổ phiếu: 18.451.109 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

+ Cổ đông là cá nhân trong nước: 1.863 cổ đông; tổng số cổ phiếu: 15.016.486 cổ phần chiếm 83,38%.

+ Cổ đông là cá nhân Nước ngoài: 14 cổ đông; tổng số cổ phiếu: 52.150 cổ phần, chiếm 0,28%..

+ Cổ đông là tổ chức trong nước: 38 cổ đông; tổng số cổ phiếu: 3.376.373 cổ phần, chiếm 18,29%. (trong đó: Tổng công ty kinh doanh vốn Nhà nước SCIC: 3.280.201 cổ phần, chiếm 17,77%).

+ Cổ đông là tổ chức nước ngoài: 01 cổ đông; tổng số cổ phần: 6.100 cổ phần, chiếm 0,03%.

+ Tỷ lệ sở hữu của Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty nắm giữ 2.463.545 cổ phần chiếm 13,35% vốn điều lệ.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không:

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: tổng số cổ phiếu quỹ là 68.000 cổ phần; trong năm 2014 không thực hiện bất cứ giao dịch nào liên quan đến cổ phiếu quỹ.

e) Các chứng khoán khác: không.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2014, căn cứ chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 15/04/2014, Ban Tổng giám đốc đã tiến hành triển khai thực hiện mục tiêu phương hướng hoạt động đã định, mặc dù tình hình kinh tế trong nước còn nhiều khó khăn, nhưng cùng với sự nỗ lực của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và toàn thể CBCNV, năm 2014 hoạt động sản xuất kinh doanh của QNCC cơ bản ổn định và giữ vững:

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

- Năm 2014 tình hình biến động tổng tài sản đầu năm và cuối năm của Công ty giảm 6.97%. Cụ thể:

+ Tổng tài sản ngắn hạn giảm 46.054.851.378 đ so với đầu năm, tương ứng giảm 5,05% so với đầu năm.

Nguyên nhân do:

* Các khoản phải thu ngắn hạn giảm 76.544.945.387đ tương ứng với giảm 16,69% so với đầu năm. Trong năm Công ty đã tăng cường công tác quản lý thu hồi công nợ và xây dựng quy chế bán hàng và quản lý nợ hợp lý. Do vậy dư nợ đến ngày 31/12/2014 đã giảm mạnh.

* Tài sản ngắn hạn khác cũng đã giảm so với đầu năm là 4.698.768.369 đ tương ứng giảm 3,81% so với đầu năm.

* Hàng tồn kho tăng so với đầu năm 28.567.124.846 đ tương ứng với 9,47%

+ Tài sản dài hạn giảm 100.207.665.778 đ tương ứng 8,43 % do trong năm công ty đã tái cơ cấu nguồn vốn, chuyển nhượng một số tài sản, dự án. Do vậy giá trị tài sản dài hạn giảm mạnh so với cùng kỳ.

- Về quản lý các khoản nợ phải thu, và các tài sản xấu: Công ty cũng đã có kế hoạch triển khai đồng bộ trong từng khâu về bán hàng và tiêu thụ sản phẩm. Nhìn chung các khoản nợ phải thu đều có nguồn gốc cụ thể, Không có các khoản nợ phải thu khó đòi.

b) Tình hình nợ phải trả

Tổng nợ phải trả của Công ty đến 31/12/2014 là 1.740,88 tỷ đồng, giảm 8,1% so với đầu năm. Tương ứng với giảm 153,504 tỷ đồng.

Trong đó:

* Nợ ngắn hạn là 861,67 tỷ đồng, giảm 3,29 % so với đầu năm. Cụ thể:

+ Vay và nợ ngắn hạn: giảm 0,87% , tương ứng: 5,2 tỷ đồng

+ Phải trả người bán: giảm 17,93%, tương ứng: 29,5 tỷ đồng

+ Thuế và các khoản phải nộp khác: tăng 39,67%, tương ứng: 11 tỷ đồng

+ Các khoản phải trả khác: giảm 17,94 % , tương ứng: 9,22 tỷ đồng

* Nợ dài hạn so với đầu năm giảm 124,17 tỷ đồng, tương ứng 12,38 %.

Trong đó:

+ Phải trả dài hạn người bán giảm 33,1 tỷ đồng

+ Phải trả dài hạn khác tăng 14,4 tỷ đồng, tương ứng tăng 18,34 %

+ Vay và nợ dài hạn giảm 113,49 tỷ đồng, tương ứng giảm 13,67%

+ Doanh thu chưa thực hiện tăng 8 tỷ đồng, tương ứng tăng 23,64%.

* Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

+ Tính đến 31/12/2014 Công ty có khoản vay có nguồn gốc ngoại tệ là 14.525.794,48 USD và 6.388.095,24 EURO, Chênh lệch tỷ giá giảm năm 2014 là 16,87 tỷ đồng.

+ Chi phí tài chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 là 85,70 tỷ, bằng 83,39% so với cùng kỳ. Trong đó chi phí lãi vay giảm 3,5% so với năm 2013.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

+ Thực hiện công tác rà soát sắp xếp bộ máy tổ chức nhân lực khối Văn phòng Công ty kết quả: Nhân lực giảm khoảng 20% so với đầu năm 2014 và giảm 30% so với đầu năm 2013; tiền lương giảm khoảng 11% so với đầu năm 2014, tương đương giảm 52,7 triệu đồng và giảm 29% so với đầu năm 2013, tương đương giảm 218 triệu đồng.

+ Hoàn thành việc chuyển đổi mô hình hoạt động Đội cơ giới Công ty từ tháng 04/2014, Xí nghiệp xây dựng Hạ Long thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng An Khang từ tháng 8/2014, Khách sạn Hồng Gai thành Công ty CP Thương mại & Du lịch Hà Thành từ tháng 12/2014, thực hiện bố trí, sắp xếp và giải quyết các chế độ liên quan cho người lao động tại các đơn vị chuyển đổi theo quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

+ Thực hiện tái cơ cấu, kiện toàn tổ chức sản xuất của toàn Công ty: Từ 12 đơn vị trực thuộc còn 6 đơn vị (trong đó chuyển đổi mô hình công ty CP 3 đơn vị); Từ 12 Phòng ban nghiệp vụ Công ty còn 7 phòng ban; thực hiện thoái vốn 5 Công ty con; Thành lập 3 Công ty mới theo yêu cầu sản xuất và chuyển đổi mô hình hoạt động.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Với mục tiêu kế thừa những kết quả đã đạt được, tiếp tục phát huy nội lực, khắc phục khó khăn, chủ động linh hoạt trong chỉ đạo điều hành và tổ chức sản xuất, tranh thủ sự quan tâm giúp đỡ của các cấp chính quyền và sở ban ngành, đồng sức đồng lòng của tập thể CBCNV-LĐ trong toàn Công ty, tập trung phấn đấu hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu kế hoạch nhiệm vụ SXKD năm 2015 cũng như chiến lược phát triển Công ty theo hướng bền vững.

☞ Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2015:

- + Sản xuất xi măng và Clinker các loại: 880 ngàn tấn.
- + Sản xuất than các loại: 410 ngàn tấn.
- + Sản xuất và tiêu thụ đá các loại: 950 ngàn M³.
- + Sản lượng san gạt, bốc xúc vận chuyển đất đá: 2,25 triệu M³.
- + Giá trị Xây lắp, san gạt bốc xúc vận chuyển: 105 tỷ đồng.
- + Doanh thu: 1.300 tỷ đồng.
- + Nộp ngân sách: 40 tỷ đồng.
- + Thu nhập bình quân người/tháng: 6,5 triệu đồng.
- + Lợi nhuận trước thuế: 12 tỷ đồng.

☞ Một số nhiệm vụ khác:

1. Tập trung mọi nguồn lực, triển khai nhiều giải pháp đồng bộ đối với hoạt động sản xuất của Nhà máy Xi măng Lam Thạch 2, quyết tâm tăng sản lượng, ổn định chất lượng sản phẩm, tiết giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

2. Đẩy mạnh sản xuất đối với lĩnh vực khai thác than, phấn đấu hoàn thành sản lượng than giao thầu với Công ty CP than Vàng Danh, sớm đưa dự án khối Nam với khai thác theo kế hoạch đề ra.

3. Giữ vững và không ngừng mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm nội địa, đặc biệt quan tâm thị trường xi măng xuất khẩu.

4. Đối với lĩnh vực Thi công cơ giới, chủ động bám sát, cố gắng hoàn thành việc ký hợp đồng với đối tác trong thời gian sớm nhất.

5. Đối với khối xây lắp: Tăng cường tìm kiếm việc làm, năng động tham gia nhận thầu, đấu thầu các dự án, công trình, nhằm đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động.

6. Đối với lĩnh vực sản xuất khai thác đá: Hoàn thành việc cấp mỏ Phương Nam 1 và tái cơ cấu Xí nghiệp đá Uông Bí, tập trung sản xuất và cung cấp kịp thời, đầy đủ và đảm bảo sản lượng, chất lượng đá cho sản xuất xi măng và xuất bán thương phẩm, bên cạnh tuân thủ tốt các quy định bảo vệ môi trường và an toàn trong sản xuất.

7. Đối với các Công ty CP thành viên: Cần chủ động, linh hoạt hơn nữa, duy trì ổn định sản xuất, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh công tác tiêu thụ sản phẩm và thu hồi công nợ, phát huy các lợi thế, không ngừng tìm kiếm, mở rộng, đổi mới công nghệ, lựa chọn, đầu tư các sản phẩm cho phù hợp với yêu cầu thị trường.

☞ Giải pháp thực hiện:

1. Tiếp tục và không ngừng quan tâm chăm lo đến việc làm, thu nhập, đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

2. Triển khai các giải pháp tiết kiệm chi phí, nhằm hạ giá thành, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm, bên cạnh chú trọng công tác phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, cải tiến công nghệ nhằm tăng năng suất lao động, đảm bảo ổn định chất lượng sản phẩm.

3. Tập trung đồng bộ, linh hoạt trong công tác chỉ đạo điều hành quản lý, rà soát bố trí sắp xếp, cơ cấu tổ chức, phân công phân nhiệm phù hợp với trình độ chuyên môn và tính chất công việc, chú trọng công tác đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

4. Xây dựng và triển khai các biện pháp quản lý và sử dụng thiết bị máy móc, dây chuyền sản xuất, kỹ thuật công nghệ phù hợp. Rà soát, điều chỉnh áp dụng các định mức chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật phù hợp và kịp thời, sát với tình hình thực tế, đảm bảo hiệu quả kinh tế cao nhất.

5. Tìm kiếm lựa chọn, cung ứng và quản lý tốt nguyên nhiên liệu, vật tư đầu vào đưa tiêu chí tiết kiệm vật tư nguyên nhiên liệu, năng lượng trong sản xuất lên hàng đầu, nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả, giảm chi phí trên từng công đoạn từ cung ứng, sản xuất, lưu thông đến tiêu thụ. Bảo đảm chất lượng sản phẩm, chú trọng công tác tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt là xuất khẩu xi măng và clinke.

6. Nâng cao hiệu quả ở các lĩnh vực trọng tâm như: Xi măng, Than; Đá, lĩnh vực thi công, xây lắp và các dự án kinh doanh hạ tầng ...

7. Tranh thủ sự quan tâm giúp đỡ và tạo điều kiện của các cấp chính quyền và các Sở ban ngành, tăng cường công tác phối kết hợp giữa chuyên môn với các tổ chức đoàn thể và các phòng ban đơn vị trong Công ty.

8. Chú trọng công tác bảo hộ lao động, an toàn lao động, công tác môi trường, công tác quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn hệ thống ISO 9001-2008. Thực hiện tốt công tác quản lý và sử dụng và bảo vệ tài nguyên một cách có hiệu quả.

9. Cập nhật và vận dụng kịp thời các cơ chế chính sách, chế độ của Nhà nước, từ đó có những giải pháp phù hợp, đem lại hiệu quả cao nhất.

IV.Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1.Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Tình hình kinh tế chung của cả nước trong năm 2014 tiếp tục có những khó khăn nhất định, dẫn đến hoạt động kinh doanh của Công ty không tránh khỏi tác động xấu từ tình hình này. Nhiều chỉ tiêu kinh tế Công ty đã không hoàn thành kế hoạch, Nhưng nhờ sự nỗ lực, năng động của Ban điều hành và toàn thể CBCNV-LĐ, tất cả các khoản thu chi đều minh bạch, lành mạnh, hợp pháp và ghi chép đầy đủ, rõ ràng trong sổ sách kế toán, ngoài ra Công ty còn tham gia các hoạt động xã hội, vì cộng đồng và công tác giáo dục tư tưởng cho CBCNV-LĐ thực hiện tốt, bên cạnh đó công tác bảo vệ về môi trường, vệ sinh an toàn lao động, các chính sách chăm lo đến quyền lợi cho người lao động được quan tâm và chấp hành đúng quy định, qua các

đợt kiểm tra các mặt hoạt động tại Công ty của các cơ quan chức năng đều được đánh giá cao.

2.Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.

Năm 2014, Ban Tổng giám đốc Công ty đã có sự chỉ đạo, điều hành sát sao các mặt hoạt động của Công ty, đảm bảo mục tiêu mà HĐQT đưa ra là phát triển bền vững, Ban Tổng giám đốc đã có những báo cáo kịp thời lên HĐQT Công ty để đưa ra các điều chỉnh về chiến lược khi tình hình thị trường có sự chuyển biến mới.

3.Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

V. Quản trị công ty:

1.Hội đồng quản trị

a)Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Danh sách Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh gồm đến ngày 02/03/2015.

1.	Ông: Cao Quang Duyệt	- Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty
2.	Ông: Đinh Đức Hiến	- TV HĐQT, Tổng giám đốc
3.	Ông: Phạm Văn Điện	- TV HĐQT, Phó Tổng giám đốc
4.	Bà: Đào Thị Đàm	- TV HĐQT, Không tham gia điều hành.
5.	Ông: Linh Thế Hưng	- TV HĐQT, Không tham gia điều hành.
6.	Ông: Nguyễn Trường Giang	- TV HĐQT, Phó Tổng giám đốc
7.	Ông: Nguyễn Long Giang	- TV HĐQT - Không tham gia điều hành.

*** Số lượng và tỷ lệ nắm giữ cổ phần của từng thành viên Hội đồng quản trị Công ty (tính tại thời điểm ngày 02/03/2015)**

Họ và tên	Số CP nắm giữ		Tổng cộng số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
	Nhà nước	Cá nhân		
1. Ông. Cao Quang Duyệt		579.491	579.491	3,14
2. Ông. Đinh Đức Hiến	3.280.201	430.586	3.710.787	20,11
3. Ông. Phạm Văn Điện		226.325	226.325	1,23
4. Bà. Đào Thị Đàm		199.253	199.253	1,08
5. Ông. Nguyễn Trường Giang		171.026	171.026	0,93
6. Ông. Linh Thế Hưng		0	0	0
7. Ông. Nguyễn Long Giang		595.007	595.007	3,22

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

HĐQT Công ty gồm 07 thành viên, (trong đó có 05 thành viên kiêm nhiệm) các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc: Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban Tổng giám đốc về việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết và quyết định của HĐQT, xây dựng các đề án, dự án kinh doanh... Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp giao ban công tác định kỳ của Ban Tổng giám đốc, theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành SXKD, thông qua các báo cáo, văn bản....

Năm 2014, HĐQT Công ty đã luôn chủ động phối hợp, hỗ trợ công tác điều hành trong quá trình chỉ đạo của Ban Tổng giám đốc, luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban Tổng giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Giám sát công tác chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra, đồng thời Chủ tịch HĐQT tham gia các cuộc họp giao ban sản xuất Quý, năm với Ban Tổng giám đốc và các phòng ban, đơn vị để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tháng, quý, năm và có ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp.

- Toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh được kiểm tra, giám sát nhằm hạn chế rủi ro một cách tốt nhất.

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 vào 15/4/2014 theo quy định.

- Thực hiện trả cổ tức 1,3% của năm 2012 bằng tiền mặt cho các cổ đông theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của HĐQT.

- Ban hành kịp thời các Nghị quyết, quyết định, văn bản thuộc phạm vi thẩm quyền của HĐQT.

- Giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung theo Nghị quyết HĐQT, đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch, nhiệm vụ đã được HĐQT thông qua.

Năm 2014, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành 75 văn bản (gồm 15 Nghị quyết 58 văn bản tài liệu các loại thuộc thẩm quyền của HĐQT).

***Các nghị quyết của Hội đồng quản trị năm 2014:**

TT	Số nghị quyết	Ngày họp	Nội dung
1	05A/NQ-HĐQT	05/01/2014	HĐQT Công ty thống nhất ủy quyền cho Tổng giám đốc Công ty được ký hợp đồng vay vốn ngắn hạn với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Nam Quảng Ninh, phục vụ cho sản xuất kinh doanh đến hết năm 2014.
2	05B/NQ-HĐQT	05/01/2014	HĐQT Công ty Thống nhất ủy quyền cho Ông Cao Quang Duyệt: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh được ký kết các hợp đồng tín dụng trung dài hạn và các hợp đồng thế chấp đảm bảo tiền vay với các tổ chức tín dụng.
3	10/NQ-HĐQT	18/01/2014	HĐQT Công ty thống nhất: + Thống nhất ủy quyền và giao cho Tổng giám đốc Công ty lựa chọn mô hình đầu tư, phương án sản xuất khai thác than Dự án Khối Nam, mỏ than Đông Tràng Bạch (như hình thức Liên doanh góp vốn hoặc thành lập Công ty cổ phần...) trình HĐQT phê duyệt thực hiện. - Thống nhất thành phần và tỷ lệ tham gia góp vốn đầu tư, sản xuất khai thác than dự án khối Nam, mỏ than Đông Tràng Bạch như sau: - Công ty Cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh

			<p>góp vốn từ 51%/tổng số vốn góp trở lên (bằng nguồn vốn của Công ty và các nguồn vốn huy động khác).</p> <p>-Số vốn góp còn lại được huy động của các cá nhân là CBCNV Xí nghiệp than Uông Bí và Xí nghiệp khai thác và kinh doanh than Đông Triều.</p> <p>+ Liên quan đến việc tái cơ cấu Đội cơ giới Công ty: Hội đồng quản trị Công ty thống nhất giao cho Tổng giám đốc Công ty thành lập Hội đồng đánh giá và tổ chức đánh giá giá trị thiết bị của Đội cơ giới Công ty; xác định giá trị và phân loại nhóm thiết bị bán thanh lý và nhóm thiết bị cho thuê lại, trình HĐQT Công ty phê duyệt thực hiện.</p>
4	10A/NQ-HĐQT	18/02/2014	<p>HĐQT Công ty thống nhất:</p> <p>+ Thống nhất thông qua báo cáo tài chính quý IV/2013.</p> <p>+ <i>Thống nhất thực hiện chi trả cổ tức năm 2012 bằng tiền mặt cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1,3% (01 cổ phiếu nhận 130 đồng), thời gian thực hiện xong trước ngày 30/4/2013.</i></p> <p>+ Thống nhất Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, thời gian dự kiến tổ chức trong tháng 4 năm 2014.</p> <p>+ HĐQT Công ty thống nhất triển khai đầu tư Dự án khối Nam, mỏ than Đông Tràng Bạch với các nội dung sau:</p> <p>- Hình thức đầu tư: Liên doanh góp vốn, trong đó: Công ty CP Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh góp 60%/tổng vốn đầu tư, Xí nghiệp than Uông Bí 20%/tổng vốn đầu tư; Xí nghiệp than Đông Triều: 20%/tổng vốn đầu tư.</p> <p>- Về bộ máy tổ chức Liên doanh: Thống nhất ủy quyền và giao cho Ông Đinh Đức Hiền: Tổng giám đốc Công ty – làm Chủ tịch Hội đồng liên doanh; Ông Nguyễn Trường Giang: Giám đốc Xí nghiệp than Uông Bí – làm Giám đốc điều hành Liên doanh; Ông Nguyễn Đình Tâm: Giám đốc Xí nghiệp khai thác và kinh doanh than Đông Triều: làm Phó Giám đốc liên doanh.</p>
5	27/NQ-HĐQT	13/05/2014	<p>HĐQT Công ty thống nhất:</p> <p>+ Thống nhất thông qua báo cáo tài chính quý I/2014 (có báo cáo kèm theo).</p> <p>+ Thống nhất giao cho Tổng giám đốc Công ty tăng cường đẩy mạnh hiệu quả sản xuất trong Quý II, trong đó tiếp tục tập trung toàn lực cho hoạt động SXKD của Nhà máy Xi măng Lam Thạch 2 với các giải pháp đã và đang được thực hiện, phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2014 đã đề ra.</p>

			<p>+ Thống nhất giao cho Tổng giám đốc Công ty tiếp tục triển khai thực hiện các Dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự án lắp đặt Trạm quan trắc tự động khu vực Lam Thạch. - Dự án hạ tầng Đông Yên Thanh, theo phương thức phân kỳ đầu tư. - Dự án cải tạo sửa chữa dây chuyền số 2 - Nhà máy Xi măng Lam Thạch 2. <p>+ Thống nhất thành lập Hội đồng đấu thầu và Thanh lý tài sản Công ty, để thực hiện việc đấu thầu vật tư, thiết bị, nguyên nhiên liệu đầu vào phục vụ cho sản xuất và tổ chức đấu giá bán, thanh lý tài sản của Công ty.</p> <p>+ Hội đồng quản trị thống nhất thành lập Tổ công tác, để thực hiện việc rà soát, định biên lại nhân lực khối Văn phòng Công ty theo chức năng, nhiệm vụ và khối lượng công việc thực tế hiện nay, đảm bảo tinh giảm, gọn nhẹ, hiệu quả, thời gian hoàn thành trong quý II/2014.</p>
6	27A/NQ-HĐQT	13/05/2014	<p>HĐQT Công ty thống nhất ủy quyền cho Ông Đinh Đức Hiển - Tổng giám đốc Công ty CP Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh thực hiện ký kết hợp đồng vay vốn ngắn hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình chi nhánh Quảng Ninh số tiền: 35.000.000.000 đồng (Ba mươi năm tỷ đồng) trong năm 2014.</p>
7	27B/NQ-HĐQT	13/05/2014	<p>Hội đồng quản đã thống nhất biểu quyết thông qua các nội dung sau:</p> <p>1. Đồng ý vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh với số tiền là 95.000.000.000 VND (Chín mươi lăm tỷ đồng chẵn) để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2014.</p> <p>+ Biện pháp bảo đảm tiền vay: Thế chấp tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty CP Xi măng và xây dựng Quảng Ninh, bao gồm: Công trình “khách sạn 05 tầng và nhà 01 tầng cho thuê văn phòng” tại phường Bãi Cháy, TP Hạ Long, Quảng Ninh.</p> <p><i>(Giấy tờ liên quan đến tài sản đảm bảo: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 462014 do UBND tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 05/04/2012 cho Công ty cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh)</i></p> <p>2. Quyết định ủy quyền cho: Ông: Đinh Đức Hiển, Chức vụ : Tổng Giám đốc Công ty, Số CMTND: 100003873 ngày cấp 30/07/1998, Cơ quan cấp: Công an tỉnh Quảng Ninh. Được ký kết hợp đồng tín dụng và các giấy tờ liên</p>

			quan đến thủ tục vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ninh.
8	40/NQ-HĐQT	01/08/2014	<p>Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh 7/7 thành viên đã thống nhất biểu quyết thông qua nội dung:</p> <ol style="list-style-type: none"> Hội đồng quản trị Công ty thống nhất thông qua kết quả sản xuất kinh doanh và Báo cáo tài chính Quý II/2014 (Có báo cáo chi tiết kèm theo). Hội đồng quản trị Công ty thống nhất và giao Tổng giám đốc Công ty tiếp tục tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp phục vụ cho SXKD (như giải pháp cải tiến kỹ thuật công nghệ, giải pháp về mở rộng thị trường tiêu sản phẩm Xi măng, các giải pháp tăng thu, tiết giảm chi phí, tăng cường công tác quản lý và các giải pháp thu hồi công nợ...) nhằm giữ vững ổn định, nâng cao các chỉ tiêu sản xuất trong 6 tháng cuối năm, phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2014 mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra. (đặc biệt là chỉ tiêu sản xuất Xi măng và Clinke). Hội đồng quản trị Công ty thống nhất điều chỉnh đơn giá tiền lương cho Nhà máy Xi măng Lam Thạch 2. Giao Tổng giám đốc Công ty tổ chức thực hiện rà soát định mức, xây dựng phương án điều chỉnh đơn giá tiền lương của Nhà máy Xi măng Lam Thạch 2 trong quý III/2014. Hội đồng quản trị Công ty thống nhất thông qua phương án tiết giảm nhân lực Khối văn phòng Công ty (theo phương án của Tổ công tác đã trình tại kỳ họp). Hội đồng quản trị giao cho Tổng giám đốc Công ty tổ chức triển khai các giải pháp hợp lý để thực hiện phương án, nhằm tiết giảm chi phí tiền lương Khối Văn phòng, báo cáo HĐQT kết quả thực hiện trước ngày 31/12/2014. Hội đồng quản trị Công ty thống nhất: <ul style="list-style-type: none"> + Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng Đấu thầu mua vật tư, thiết bị, máy móc nguyên nhiên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất và Đấu giá thanh lý tài sản Công ty. + Thống nhất bổ sung Ông Trần Ngọc Hưng – Giám đốc Nhà máy Xi măng Lam Thạch 2 làm thành viên Hội đồng Đấu thầu mua vật tư, thiết bị, máy móc nguyên nhiên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất và Đấu giá thanh lý tài sản Công ty. Hội đồng quản trị Công ty thống nhất tiến hành cổ phần các đơn vị xây lắp trực thuộc Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2013 đã đề ra. Cụ thể: Giải thể Xí nghiệp xây dựng Hạ Long, là đơn vị trực

			<p>thuộc Công ty và thống nhất thành lập Công ty cổ phần với các nội dung sau:</p> <p>6.1 Thành lập: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng An Khang.</p> <p>+ Trụ sở chính: KCN Cái Lân, Phường Giếng Đáy, TP Hạ Long, Quảng Ninh.</p> <p>+ Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng).</p> <p>+ Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính: xây lắp, đầu tư kinh doanh hạ tầng và một số ngành nghề khác theo giấy đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh.</p> <p>+ Cơ cấu cổ đông: Công ty Cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh góp vốn: 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng), chiếm 40%/tổng vốn điều lệ, số vốn còn lại được huy động từ các cá nhân là CBCNV-LĐ của Xí nghiệp Xây dựng Hạ Long.</p> <p>+ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng An Khang có trách nhiệm tiếp nhận lại toàn bộ CBCNV-LĐ hiện có của Xí nghiệp xây dựng Hạ Long.</p> <p>+ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng An Khang có trách nhiệm kế thừa, giải quyết toàn bộ công việc còn tồn đọng của Xí nghiệp Xây dựng Hạ Long (bao gồm cả việc thanh quyết toán, thu hồi công nợ...) và chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các khoản nợ của Xí nghiệp xây dựng Hạ Long với Công ty cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh.</p> <p>6.2 Hội đồng quản trị Công ty thống nhất ủy quyền cho Ông: Phạm Văn Điện: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty là người đại diện quản lý phần vốn góp của Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng An Khang</p>
9	40A/NQ-HĐQT	01/08/2014	<p>Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh 7/7 thành viên đã thống nhất biểu quyết thông qua các nội dung sau:</p> <p>1. Hội đồng quản trị Công ty đồng ý vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khu vực Bãi Cháy Quảng Ninh với số tiền là 100.000.000.000 VND (Một trăm tỷ đồng chẵn) để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2014.</p> <p>+ Đồng ý dùng tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh là dây chuyền 1 Nhà máy Xi măng Lam Thạch II được xây dựng trên diện tích 104.662,8 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Đ405634 do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 10/12/2004.</p> <p>2. Hội đồng quản trị Công ty đồng ý uỷ quyền cho: Ông: Đinh Đức Hiền, Chức vụ : Tổng Giám đốc Công ty, Số</p>

			CMTND: 100003873, do Công an Quảng Ninh cấp ngày 10/01/2014, được ký kết hợp đồng tín dụng và các giấy tờ khác liên quan đến thủ tục vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khu vực Bãi Cháy Quảng Ninh.
10	40B/NQ-HĐQT	01/08/2014	<p>Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh 7/7 thành viên đã thống nhất biểu quyết thông qua các nội dung sau:</p> <p>1. Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết HĐQT Công ty tiến hành chuyển đổi mô hình hoạt động là (thành lập Công ty cổ phần và giải thể Xí nghiệp Xây dựng Hạ Long). Hội đồng quản trị Công ty thống nhất chuyển số lỗ 2.072.844.142 đồng (<i>Hai tỷ không trăm bảy mươi hai triệu tám trăm bốn mươi bốn ngàn một trăm bốn mươi hai đồng</i>) của Xí nghiệp Xây dựng Hạ Long về Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh. (phần lỗ này là của Xí nghiệp Xây dựng Móng Cái chuyển sang khi sáp nhập vào Xí nghiệp Xây dựng Hạ Long).</p> <p>2. Hội đồng quản trị thống nhất góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng An Khang với tỷ lệ 40%/tổng vốn Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng An Khang cụ thể:</p> <p>+ Giá trị góp vốn: 2.000.000.000 đồng (<i>Hai tỷ đồng chẵn</i>).</p> <p>+ Hình thức góp vốn: Được bù trừ bằng nguồn công nợ phải thu của Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng An Khang.</p>
11	50/NQ-HĐQT	30/09/2014	<p>Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh 7/7 thành viên đã thống nhất biểu quyết thông qua các nội dung sau:</p> <p>1. Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty thống nhất tiếp tục thực hiện tái cơ cấu đối với Xí nghiệp Đá Uông Bí – đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh với nội dung sau:</p> <p>1.1 HĐQT Công ty thống nhất chuyển nhượng toàn bộ, máy móc thiết bị và mặt bằng của Xí nghiệp đá Uông Bí hiện đang quản lý cho Công ty Cổ phần Núi Rùa theo giá trị sổ sách còn lại tính đến thời điểm ngày 30/09/2014 gồm các danh mục sau:</p> <p>1.1.1 Dây chuyền thiết bị nghiền sàng đá số 2;</p> <p>1.1.2 Dây chuyền thiết bị nghiền sàng đá số 3;</p> <p>1.1.3 Nhà văn phòng Xí nghiệp;</p> <p>1.1.4 Toàn bộ mặt bằng đã được đền bù giải phóng và</p>

			<p>bên xuất đá;</p> <p>1.1.5 Các tài sản khác có liên quan. * Thời gian thực hiện chuyển nhượng trong tháng 10/2014.</p> <p>1.2. Hội đồng quản trị Công ty thống nhất điều chuyển toàn bộ CBCNV và người lao động của Xí nghiệp Đá Ông Bí có mặt tại thời điểm Xí nghiệp thực hiện tái cơ cấu về làm việc tại Công ty Cổ phần Núi Rùa (Thời gian thực hiện sau khi đã hoàn tất công tác chuyển nhượng tài sản thiết bị).</p> <p>2. Hội đồng quản trị Công ty thống nhất giao cho Tổng giám đốc Công ty cùng Công ty Cổ phần Núi Rùa tổ chức thực hiện nội dung của Nghị quyết đảm bảo quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.</p> <p>3. Sau khi hoàn tất việc tái cơ cấu, Hội đồng quản trị Công ty thống nhất Quyết định giải thể Xí nghiệp đá Ông Bí, đồng thời báo cáo việc tái cơ cấu, giải thể Xí nghiệp đá Ông Bí trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất theo quy định.</p>
12	52/NQ-HĐQT	17/10/2014	<p>Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh 7/7 thành viên đã thống nhất biểu quyết thông qua các nội dung sau:</p> <p>1. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng 2014 và triển khai kế hoạch Quý IV/2014 (có báo cáo kèm theo).</p> <p>2. Thông qua các giải pháp phục vụ sản xuất trong Quý IV/2014 cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tập trung mọi nguồn lực hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch tài chính năm 2014 mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra tại Nghị quyết số 26/NQ-ĐHCD ngày 15/4/2014. + Thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất đối với Nhà máy Xi măng Lam Thạch II theo nội dung kết luận của Chủ tịch HĐQT Công ty tại biên bản số 514/BBH ngày 10/10/2014 về việc triển khai đầu tư, cải tạo nâng cấp Nhà máy Xi măng Lam Thạch II. <p>3. Thống nhất thành lập Ban quản lý Dự án Khôi Nam mỏ than Đông Tràng Bạch để thực hiện dự án theo đúng quy định về đầu tư xây dựng cơ bản của Nhà nước và Quyết định số 43/QĐ-HĐQT ngày 05/8/2014 của Hội đồng quản trị Công ty về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng đấu thầu mua vật tư, thiết bị, máy móc, nguyên nhiên vật liệu đầu vào và đấu giá thanh lý tài sản của Công ty.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giao Tổng giám đốc Công ty đề xuất bộ máy nhân sự của Ban Quản lý Dự án Khôi Nam mỏ than Đông Tràng Bạch trình HĐQT Công ty phê duyệt. <p>4. Để tăng cường công tác quản lý đối với Nhà máy Xi</p>

			<p>mãng Lam Thạch II, Hội đồng quản trị thống nhất:</p> <p>+ Bổ nhiệm Ông Phan Ngô Chứ - Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Nhà máy Xi măng Lam Thạch II.</p> <p>+ Quyết định thôi chức danh Giám đốc Nhà máy Xi măng Lam Thạch II đối với Ông Trần Ngọc Hưng.</p> <p>5. Căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông số 20/NQ-ĐHCD ngày 15/4/2013: Hội đồng quản trị Công ty thống nhất chuyển đổi mô hình hoạt động của Khách sạn Hồng Gai thành Công ty Cổ phần, với số vốn điều lệ 29.000.000.000 đồng (Hai mươi chín tỷ đồng), trong đó Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh nắm giữ 5% vốn điều lệ, số vốn còn lại giao Tổng giám đốc Công ty triển khai chào bán cho các đối tác, cổ đông bên ngoài.</p> <p>6. Căn cứ Nghị quyết số 86A/NQ-HĐQT ngày 19/11/2013 của HĐQT Công ty: Hội đồng quản trị Công ty đồng ý chuyển nhượng Trụ sở văn phòng Móng Cái với giá tối thiểu 4.500.000.000 đồng (Bốn tỷ năm trăm triệu đồng), Giao Tổng giám đốc Công ty thực hiện chuyển nhượng theo quy định.</p>
13	52A/NQ-HĐQT	17/10/2014	<p>Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh 7/7 thành viên đã thống nhất biểu quyết thông qua các nội dung sau:</p> <p>1. Hội đồng quản trị Công ty đồng ý vay vốn trung hạn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khu vực Bãi Cháy Quảng Ninh với số tiền là 20.000.000.000 VNĐ (Hai mươi tỷ đồng chẵn) để bổ sung vốn cho Dự án đầu tư mở rộng Nhà máy Xi măng Lam Thạch II công đoạn nghiền và xuất xi măng.</p> <p>+ Đồng ý dùng tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty CP Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh là dây chuyền 1 Nhà máy Xi măng Lam Thạch II được xây dựng trên diện tích 104.662,8 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Đ405634 do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 10/12/2004.</p> <p>2. Hội đồng quản trị Công ty đồng ý uỷ quyền cho: Ông: Cao Quang Duyệt, Chức vụ: Chủ tịch HĐQT Công ty, Số CMND:100626747, do Công an tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 01/11/2004, Được ký kết hợp đồng tín dụng trung hạn và hợp đồng thế chấp và các giấy tờ khác liên quan đến thủ tục vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khu vực Bãi Cháy Quảng Ninh.</p>
14	52B/NQ-HĐQT	17/10/2014	<p>Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh 7/7 thành viên đã thống nhất biểu quyết thông qua các nội dung sau:</p> <p>1. Đồng ý vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam -</p>

			<p>Chi nhánh Quảng Ninh với số tiền là: 50.000.000.000 VND (Năm mươi tỷ đồng chẵn) để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2014.</p> <p>+ Biện pháp bảo đảm tiền vay: Thế chấp tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty CP Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.</p> <p>2. Quyết định uỷ quyền cho: Ông: Đinh Đức Hiền, Chức vụ : Tổng Giám đốc Công ty, Số CMTND: 100003873 ngày cấp 10/01/2014, Cơ quan cấp: Công an tỉnh Quảng Ninh. Được ký kết hợp đồng tín dụng và các giấy tờ liên quan đến thủ tục vay vốn tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh.</p>
15	52C/NQ-HĐQT	17/10/2014	<p>Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh 7/7 thành viên đã thống nhất biểu quyết thông qua các nội dung sau:</p> <p>1. Đồng ý vay Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh với số tiền là: 50.000.000.000 VND (Năm mươi tỷ đồng chẵn) để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2014.</p> <p>+ Biện pháp bảo đảm tiền vay: Thế chấp tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty CP Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.</p> <p>2. Quyết định uỷ quyền cho: Ông: Đinh Đức Hiền, Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty, Số CMTND: 100003873 ngày cấp 10/01/2014, Cơ quan cấp: Công an tỉnh Quảng Ninh. Được ký kết hợp đồng tín dụng và các giấy tờ liên quan đến thủ tục vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh.</p>

Đánh giá chung: Trong bối cảnh nền kinh tế Thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng còn gặp nhiều khó khăn, nhưng với nỗ lực cố gắng, vượt qua khó khăn thách thức của tập thể và CBCNV Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh, ổn định sản xuất, phân đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao.

c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Đều tham dự đầy đủ các cuộc họp và các hoạt động của HĐQT, các thành viên đều tham gia xem xét, nghiên cứu và đóng góp ý kiến về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT làm cơ sở để HĐQT ban hành các Nghị quyết, quyết định liên quan.

d) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty trong năm: Không có.

2. Các tiểu ban và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

a. Tiểu ban Tài chính:

+ Thực hiện việc thẩm định các kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch SXKD hàng năm.

+ Phối hợp với Tiểu ban đầu tư phát triển trong việc tính toán hiệu quả nguồn vốn, các thủ tục về tài chính liên quan trong việc xây dựng phương án đầu tư theo

quy định. Kết quả năm 2014: Tổng doanh thu tạm tính: 1.240 tỷ đồng, đạt 95,3% so với cùng kỳ, Nộp ngân sách: 44 tỷ đồng, đạt 146% so với kế hoạch.

b. Tiểu ban Đầu tư phát triển:

+ Thực hiện tham mưu cho HĐQT trong lĩnh vực đầu tư phát triển của dự án, thẩm tra các thủ tục, quy trình, tính hiệu quả trong việc chuẩn bị đầu tư và triển khai thực hiện đầu tư phát triển của từng dự án.

+ Phối hợp với Tiểu ban Tài chính tính toán hiệu quả vốn đầu tư, các thủ tục về tài chính có liên quan trong việc xây dựng phương án đầu tư theo quy định.

+ Đã và đang tập trung thực hiện chuyển nhượng dự án Cầu cảng và dự án Bãi chứa hàng KCN Cái Lân theo Nghị quyết Đại hội cổ đông và Nghị quyết HĐQT đã đề ra.

c. Tiểu ban sản xuất Xi măng:

+ Tham mưu cho HĐQT trong hoạt động sản xuất Xi măng, Clinker, giám sát quy trình sản xuất, đảm bảo sản lượng, chất lượng sản phẩm.

+ Tham mưu cho HĐQT về đổi mới công nghệ sản xuất, đề xuất các giải pháp phát triển chiều sâu thay đổi thiết bị kỹ thuật công nghệ.

+ Đã thực hiện đưa ra các giải pháp quản lý phù hợp mang lại hiệu quả cao đối với các chủng loại vật tư, thiết bị, nguyên, nhiên vật liệu đầu vào, nhằm tăng năng suất, giảm giá thành sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, tổng sản lượng sản xuất Xi măng và Clinker các loại: 820.000 tấn, đạt 88,1% so với kế hoạch và 97% so với cùng kỳ.

d. Tiểu ban Tiêu thụ Xi măng:

+ Đã thực hiện tốt công tác tham mưu trong công tác tiêu thụ sản phẩm.

+ Thực hiện các giải pháp liên quan đến công tác bán hàng và thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ. Tổng sản lượng tiêu thụ Xi măng và Clinker các loại 810.000 tấn, đạt 87% so với kế hoạch, trong đó sản lượng tiêu thụ Xi măng là 340.000 tấn chiếm khoảng 41%, tiêu thụ Clinker 470.000 tấn bằng 59%.

e. Tiểu ban lương thưởng và nhân sự:

+ Tiểu ban lương thưởng và nhân sự đã thực hiện tham mưu cho HĐQT trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT về các vấn đề liên quan đến tổ chức bộ máy, nhân sự, lương thưởng, cùng với Phòng TCHC theo dõi đánh giá chất lượng nhân sự, xem xét năng lực cán bộ, đặc biệt là những cán bộ được bổ nhiệm vào các vị trí quản lý trong toàn hệ thống Công ty.

+ Giải quyết các chế độ cho người lao động, xây dựng và triển khai phương án khoán quỹ tiền lương đối với các phòng nghiệp vụ Công ty.

+ Thực hiện tái cơ cấu bộ máy tổ chức, tiết giảm nhân lực khối Văn phòng Công ty tính đến hết tháng 12/2014: Nhân lực và chi phí tiền lương đã tiết giảm khoảng 25% so với đầu năm, hiện Công ty vẫn đang tiếp tục rà soát, sắp xếp bố trí theo hướng tinh giảm, gọn nhẹ, hiệu quả.

+ Thực hiện chuyển đổi mô hình hoạt động, tái cơ cấu nguồn vốn đối với Đội cơ giới Công ty, Xí nghiệp đá Ưông Bí, Xí nghiệp Xây dựng Hạ Long, Khách sạn Hồng Gai, từ đó đã thực hiện điều chuyển, bố trí sắp xếp lại nhân lực và giải quyết

chế độ liên quan cho người lao động theo quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

+ Thực hiện rà soát xây dựng điều chỉnh lại một số đơn giá tiền lương, đơn giá khoán sản phẩm đối với các đơn vị trực thuộc Công ty (đặc biệt đơn giá của các đơn vị sản xuất Xi măng, sản xuất đá, cơ giới...).

+ Công tác chăm lo đời sống người lao động, điều chỉnh mức thu nhập cho người lao động tăng lên ở một số bộ phận, đặc biệt đã có sự quan tâm tới lao động chất lượng cao tại Nhà máy xi măng Lam Thạch II. Lương bình quân toàn Công ty đạt 6 triệu đồng/ người/tháng .

3. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Họ tên, số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phần của từng thành viên Ban kiểm soát Công ty tính tại thời điểm ngày 02/03/2015.

Họ và tên	Chức vụ	Tổng số cổ phần Nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Hoàng Văn Thụy	Trưởng BKS	73.958	0,40%
Nguyễn Ngọc Anh	TV BKS	20.240	0,11%
Trần Quang Tịnh	TV BKS	14.791	0,08%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh về quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát.

Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình, Ban kiểm soát duy trì họp định kỳ, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực của các hoạt động sản xuất kinh doanh trong công tác kế toán và lập báo cáo tài chính, thẩm định báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị trình Đại hội cổ đông. Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, kiến nghị biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Tham gia đầy đủ các cuộc họp thường kỳ hàng quý của Hội đồng Quản trị.

Trong năm 2014, Ban kiểm soát Công ty đã thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm soát của mình cụ thể:

- Tham dự đầy đủ các phiên họp của HĐQT để theo dõi và giám sát hoạt động của HĐQT.
- Trưởng ban kiểm soát đã chỉ đạo các kiểm soát viên bám sát tình hình hoạt động, thực hiện công tác kiểm tra, hỗ trợ các phòng ban đơn vị hạch toán kế toán đúng quy định, đồng thời thực hiện chính sách với người lao động cũng như các hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị.
- Kịp thời tham mưu cho HĐQT Công ty về công tác tài chính, nhân sự và các chính sách đối với người lao động, đảm bảo nội bộ Công ty luôn đoàn kết.
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng tháng, quý , năm của đơn vị trước khi trình HĐQT, đồng thời phối hợp thường xuyên với đơn vị kiểm toán độc lập.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT và BKS:

+ Lương của Ban tổng giám đốc Công ty được hưởng theo Quy chế trả lương của Công ty do HĐQT quyết định.

+ Năm 2014 Công ty dự kiến chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty với tỷ lệ 1,5 % lợi nhuận sau thuế với tổng số tiền là: 135.000.000 đồng.

+ Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể hoặc không thể lượng hoá bằng tiền: Không.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

+ Ông Linh Thế Hưng, thành viên HĐQT Công ty đăng ký bán 179.274 cổ phiếu, thời gian thực hiện từ ngày 12/2/2015 đến ngày 11/3/2015; Kết quả: đã bán hết: 179.274 cổ phiếu, số lượng cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 02/3/2015 là: không cổ phiếu.

+ Ông Phạm Quốc Hùng, Phó Tổng giám đốc Công ty đăng ký mua: 70.000 cổ phiếu, thời gian thực hiện từ ngày 12/2/2015 đến ngày 11/3/2015; Kết quả đã mua: 70.000 cổ phiếu, tổng số lượng cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 02/3/2015 là: 102.490 cổ phiếu.

+ Ông Nguyễn Trường Giang, Thành viên HĐQT Công ty, Phó Tổng giám đốc Công ty trong năm 2014 đã đăng ký mua, tổng số lượng cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 02/3/2015 là: 171.026 cổ phiếu.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

Trong năm qua cổ đông nội bộ và những người có liên quan không có giao dịch gì (hợp đồng, hoặc giao dịch khác được ký kết) với Công ty và các công ty con.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty đã tuân thủ và thực hiện tốt việc quản trị theo các quy định của pháp luật, của cơ quan quản lý Nhà nước đối với Công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, nhờ vậy đã khắc phục được những khó khăn tạo niềm tin cho các cổ đông và cho người lao động.

VI. Báo cáo tài chính

1. Một số chỉ tiêu Báo cáo tài chính riêng năm 2014 đã được kiểm toán:

*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014:

(Trích báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán ngày 05/03/2015):

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	1.242.061.390.585	1.202.919.893.555
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.242.061.390.585	1.202.919.893.555
11	4. Giá vốn hàng bán	22	1.120.890.859.786	1.033.520.787.983
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		121.170.530.799	169.399.105.572

và cung cấp dịch vụ				
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	19.131.922.082	7.374.515.736
22	7. Chi phí tài chính	24	85.730.410.894	102.804.301.773
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		83.739.538.545	86.812.167.710
24	8. Chi phí bán hàng	25	9.958.398.072	14.187.055.872
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	54.252.295.982	63.718.035.821
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(9.638.652.067)	(3.935.772.158)
31	11. Thu nhập khác	27	78.707.291.291	26.320.542.734
32	12. Chi phí khác	28	52.238.103.529	13.728.925.636
40	13. Lợi nhuận khác		26.469.187.762	12.591.617.098
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		16.830.535.695	8.655.844.940
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	6.435.902.190	2.924.436.891
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		10.394.633.505	5.731.408.049
	17.1. Lợi nhuận sau thuế TNDN của đối tác liên doanh		853.446.237	589.944.223
	17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty		9.541.187.268	5.141.463.826
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu			

***Bảng cân đối kế toán năm 2014:**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014				
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		865.449.936.267	911.504.787.645
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	34.328.964.359	27.707.226.827
111	1. Tiền		34.328.964.359	27.707.226.827
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		382.138.279.477	458.683.224.864
131	1. Phải thu khách hàng		167.891.200.079	235.718.522.403
132	2. Trả trước cho người bán		8.155.741.372	13.882.559.013

135	5. Các khoản phải thu khác	4	206.091.338.026	209.082.143.448
140	IV. Hàng tồn kho	5	330.217.041.950	301.649.917.104
141	1. Hàng tồn kho		330.217.041.950	301.649.917.104
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		118.765.650.481	123.464.418.850
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		35.542.308.455	33.904.505.720
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	6	83.223.342.026	89.559.913.130
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.087.983.077.339	1.188.190.743.117
220	II. Tài sản cố định		1.035.074.633.508	1.154.172.943.681
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	761.386.735.843	757.583.228.113
222	- Nguyên giá		1.482.299.814.413	1.397.908.080.943
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(720.913.078.570)	(640.324.852.830)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	8	316.053.648	616.447.278
225	- Nguyên giá		869.581.818	2.893.218.181
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(553.528.170)	(2.276.770.903)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	2.676.785.879	3.934.300.656
228	- Nguyên giá		9.323.583.652	11.176.533.652
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(6.646.797.773)	(7.242.232.996)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	270.695.058.138	392.038.967.634
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	17.294.000.000	10.903.072.402
251	1. Đầu tư vào công ty con		15.294.000.000	10.903.072.402
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		2.000.000.000	-

260	V. Tài sản dài hạn khác		35.614.443.831	23.114.727.034
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	34.920.333.776	22.531.674.588
268	3. Tài sản dài hạn khác	13	694.110.055	583.052.446
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.953.433.013.606	2.099.695.530.762

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>				
<i>(tiếp theo)</i>				
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		1.740.885.237.410	1.894.389.680.543
310	I. Nợ ngắn hạn		861.674.399.140	891.000.651.740
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	601.267.622.139	606.521.677.002
312	2. Phải trả người bán		135.169.835.494	164.701.454.711
313	3. Người mua trả tiền trước		28.638.612.261	30.195.849.144
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	39.022.037.615	27.937.772.404
315	5. Phải trả người lao động		7.369.925.931	7.932.047.228
316	6. Chi phí phải trả	16	7.841.512.255	2.033.657.690
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	42.219.811.073	51.449.352.689
323	11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		145.042.372	228.840.872
330	II. Nợ dài hạn		879.210.838.270	1.003.389.028.803
331	1. Phải trả dài hạn người bán		26.809.733.475	60.000.000.000
333	3. Phải trả dài hạn khác	18	93.463.021.016	78.981.415.728
334	4. Vay và nợ dài hạn	19		

			716.946.966.987	830.443.872.582
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		41.991.116.792	33.963.740.493
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		212.547.776.196	205.305.850.219
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	212.547.776.196	205.305.850.219
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		184.511.090.000	184.511.090.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.918.390.480	2.918.390.480
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		(1.894.390.964)	(1.894.390.964)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		3.298.281.554	3.298.281.554
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		6.814.988.524	6.814.988.524
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		16.899.416.602	9.657.490.625
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.953.433.013.606	2.099.695.530.762

***Bảng Lưu chuyển tiền tệ năm 2014:**

Số tt	Chỉ tiêu	M ch t u	Thu yết min h		
				Nợm nay	Năm trư c
I	LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HĐSXKD				
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.122.094.851.967	1.156.329.842.592
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		-879.909.507.455	-520.744.495.981
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		-123.072.426.603	-117.321.805.233
4	Tiền chi trả lãi vay	04		-81.372.550.343	-87.202.148.001
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-1.500.000.000	-9.649.207.190
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		8.808.498.166	212.364.142.070
7	Tiền chi khác cho các hoạt động kinh doanh	07		-7.229.908.750	-456.598.192.861
	Lưu chuyển tiền thuần từ HĐSXKD	20		37.818.956.982	177.178.135.396
II	LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HĐ ĐẦU TƯ			0	
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-65.421.982.436	-175.832.969.021

2	Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		138.639.963.622	5.015.162.142
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4	Tiền thu hồi vốn cho vay, bán lại các CC nợ của ĐV khác	24		0	0
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		920.635.415	1.706.894.775
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ đầu tư</i>	30		74.138.616.601	-169.110.912.104
III	LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HĐ TÀI CHÍNH			0	0
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận VG của chủ sở hữu	31		0	0
2	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32		0	0
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.176.797.257.405	1.227.492.137.385
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		1.278.419.750.379	1.238.088.049.251
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-248.609.152	-782.455.488
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ tài chính</i>	40		-3.463.378.040	-4.914.709.719
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ tài chính</i>	40		-105.334.480.166	-16.293.077.073
IV	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		6.623.093.417	-8.225.853.781
V	TIỀN TỒN ĐẦU KỲ	60		27.707.226.827	35.930.876.259
	ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-1.355.885	2.204.349
VI	TIỀN TỒN CUỐI KỲ	70		34.328.964.359	27.707.226.827

2. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 đã được kiểm toán:

*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014:

(Trích báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán ngày 05/03/2015)

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH				
n vị tính : VN				
Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.288.333.101.040	1.258.904.118.086

2. Cyclic kế toán doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-03)	10		1.288.333.101.040	1.258.904.118.086
4. Giá vốn hàng bán	11		1.157.078.147.544	1.079.181.076.678
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		131.254.953.496	179.723.041.408
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		19.309.450.818	7.018.001.071
7. Chi phí tài chính	22		88.705.035.841	103.646.150.946
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		85.863.328.368	87.172.965.315
8. Chi phí bán hàng	24		10.299.782.263	16.310.387.615
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		58.026.660.705	68.718.147.336
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21-22) - (24+25)	30		-6.467.074.495	-1.933.643.418
11. Thu nhập khế	31		50.981.529.649	24.584.782.793
12. Chi phí khế	32		24.846.011.115	13.703.307.055
13. Lợi nhuận khế (40 = 31 - 32)	40		26.135.518.534	10.881.475.738
14. Phân lợi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	45		3.650.931	0
15. Tổng lợi nhuận kế toán thuần (50=30+40)	50		19.672.094.970	8.947.832.320
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		7.065.379.853	3.521.851.165
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		119.406.251	-513.802.083
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		12.487.308.866	5.939.783.238
18.1 Lợi nhuận sau thuế chia cổ đông số	61		1.058.578.379	806.932.410
18.2 Lợi nhuận sau thuế chia cổ đông Công ty m	62		11.428.730.487	5.132.850.828
Lợi nhuận sau thuế chia cho các cổ đông liên doanh			909.540.069	687.588.265
Lợi nhuận sau thuế tạm tính các cổ đông Công ty m			10.519.190.418	4.445.262.563
19. Lợi nhuận kế toán thuần (70 = 60 - 61 - 62)	70		572	242

***Bảng cân đối kế toán năm 2014:**

DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
				VT : VN
Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
TÀI SẢN				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		952.271.056.900	1.004.182.197.874
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		40.919.594.375	32.013.063.851
1. Tiền	111		40.919.594.375	32.013.063.851
2. cyclic khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.500.000.000	0
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.500.000.000	0

2. Dự phòng giảm giá đầu tư ch ng khoyn TNH	129		0	0
III. C c kho n ph i thu ngắn hạn	130		396.088.686.170	493.434.338.103
1. Phải thu của khách hàng	131		179.103.726.852	266.705.353.655
2. Trả trư c cho người bán	132		9.886.787.639	16.005.613.714
3. Ph i thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Ph i thu theo ti n ộ k hoạch h p ng xây dựng	134		0	0
5. Cyclic kho n ph i thu khỷc	135		207.098.171.679	210.723.370.734
6. Dự phĐng cyclic kho n ph i thu ngắn hạn kh Đì	139		0	0
IV . Hàng tồn kho	140		342.705.928.567	312.156.025.951
1. Hàng tồn kho	141		342.705.928.567	312.156.025.951
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		171.056.847.788	166.578.769.969
1. Chi phí trả trư c ngắn hạn	151		35.542.308.455	33.904.505.720
2. Thuế GTGT đư c khấu tr	152		2.863.392.489	608.032.579
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nư c	154		0	0
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		132.651.146.844	132.066.231.670
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.123.174.915.179	1.191.863.312.455
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1. Ph i thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Vốn kinh doanh cyclic n vị trực thuộc	212		0	0
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		0	0
4. Phải thu dài hạn khác	218		0	0
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		0	0
II. Tài sản cố định	220		1.076.701.924.041	1.168.128.411.338
1. Tài sản cố định hữu hình	221		802.543.291.181	766.150.729.403
- Nguy n giỹ	222		1.529.373.026.492	1.409.225.108.147
- Giỹ trị hao mĐn lu k	223		-726.829.735.311	-643.074.378.744
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		316.053.648	616.447.278
- Nguy n giỹ	225		869.581.818	2.893.218.181
- Giỹ trị hao mĐn lu k	226		-553.528.170	-2.276.770.903
3. Tài sản cố định vô hình	227		2.676.785.879	3.934.300.656
- Nguy n giỹ	228		9.323.583.652	11.176.533.652
- Giỹ trị hao mĐn lu k	229		-6.646.797.773	-7.242.232.996
4. Chi phí XD CB d dang	230		271.165.793.333	397.426.934.001
III. Bớt ă động s n ă u tư	240			
- Nguy n giỹ	241			
- Giỹ trị hao mĐn lu k	242			
IV. C c kho n ă u tư tài chính dài hạn	250		1.927.433.779	0
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào Công ty liên kết , liên doanh	252		1.927.433.779	0
3. Đầu tư dài hạn khác	258		0	0
4. Dự phĐng gi m giỹ u tư tài chính dài hạn	259		0	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		44.545.557.359	23.734.901.117

1. Chi phí trả trước dài hạn	261		42.516.493.185	22.572.046.588
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		394.395.832	513.802.083
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.634.668.342	649.052.446
VI. Lợi thế thương mại	269		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.075.445.972.079	2.196.045.510.329
NGUỒN VỐN				
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.847.962.008.879	1.983.238.677.036
I- Nợ ngắn hạn	310		948.976.068.954	972.860.013.845
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		603.520.934.416	606.721.677.002
2. Phải trả người bán	312		177.865.858.572	210.165.814.470
3. Người mua trả tiền trước	313		30.038.255.246	31.397.558.969
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314		41.246.275.758	29.118.694.616
5. Phải trả người lao động	315		8.469.361.105	8.189.511.522
6. Chi phí phải trả	316		10.026.141.413	2.139.607.305
7. Phải trả nội bộ	317		0	0
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch chi tiêu xây dựng	318		0	0
9. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319		77.658.148.422	84.872.311.259
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0	0
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		151.094.022	254.838.702
II. Nợ dài hạn	330		898.985.939.925	1.010.378.663.191
1. Phải trả dài hạn người bán	331		26.809.733.475	60.000.000.000
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		0	0
3. Phải trả dài hạn khác	333		94.050.402.274	79.828.916.030
4. Vay và nợ dài hạn	334		738.372.462.201	839.290.250.668
5. Thu thuế hoãn lại phải trả	335		0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	0
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		39.753.341.975	31.259.496.493
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		0	0
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		212.254.380.476	204.117.830.553
I. Vốn chủ sở hữu	410		212.254.380.476	204.117.830.553
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		184.511.090.000	184.511.090.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.918.390.480	2.918.390.480
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu mua lại	414		-1.894.390.964	-1.894.390.964
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	0
6. Chuyển đổi tỷ lệ góp vốn	416		0	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.298.281.554	3.298.281.554
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		6.814.988.524	6.814.988.524
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		16.606.020.882	8.469.470.959
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		0	0
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		0	0

II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433			
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		15.229.582.724	8.689.002.740
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.075.445.972.079	2.196.045.510.329
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG				
1. Tài sản thuê ngoài	01			
2. Vết t hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	02			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký g i, ký cư c	03			
4. N kh Ì x lý	04			
5. Ngoại t cỹc loại	05		1.596,33	1.709,66
- USD			1.517,70	1.627,19
- EURO			78,63	82,47
6. Dự toĩn chi sự nghi p, dự ỹn	06			

***Bảng Lưu chuyển tiền tệ năm 2014:**

DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPTT

(Đơn vị tính: đồng)

Số tt	Ch ti u	M ch ti u	Thuy t minh	Nợm nay	Nợm trừ c
I	Lưu chuyển tiền t t H SXKD				
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khỹc	01		1.184.993.733.467	1.224.993.785.583
2	Tiền chi tr cho người cung cấp hàng hóa dịch v	02		-919.909.493.676	-566.574.356.029
3	Tiền chi tr cho người lao ộng	03		-137.487.016.194	-127.735.153.402
4	Tiền chi tr l i vay	04		-82.778.919.452	-88.713.313.308
5	Tiền chi nộp thu thu nhộp doanh nghi p	05		-1.961.376.289	-10.096.719.024
6	Tiền thu khỹc t hoạt ộng kinh doanh	06		10.293.562.682	245.632.492.951
7	Tiền chi khỹc cho cỹc hoạt ộng kinh doanh	07		-8.309.557.866	-501.313.489.244
	Lưu chuyển tiền thuần từ HĐSXKD	20		44.840.932.672	176.193.247.527
II	Lưu chuyển tiền tệ từ HĐ đầu tư			0	
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-72.826.825.481	-176.033.969.021
2	Tiền thu từ TLỹ, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		128.339.963.622	5.015.162.142
3	Tiền chi cho vay, mua cỹc cẩng c n c a n vị khỹc	23		-1.500.000.000	0
4	Tiền thu h i vốn cho vay, bỹn lại cỹc CC n c a V khỹc	24			0
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			0
6	Tiền thu h i u tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận đ c chia	27		755.866.357	1.707.520.194
	Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ đầu tư	30		54.769.004.498	-169.311.286.685

III	Lưu chuyển tiền tệ từ HĐ tài chính			0	0
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận VG c a c h s hệ	31		0	
2	Tiền chi tr vốn g p cho cỹc ch s hệ, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32		0	
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận đ c	33		1.203.528.795.028	1.241.777.805.902
4	Tiền chi tr n gốc vay	34		-	
				1.290.518.858.597	-1.251.857.779.797
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-248.609.152	-782.455.488
6	Cấ t c, l i nhuấn tr cho ch s hệ	36		-3.463.378.040	-5.175.941.903
	Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ tài chính	40		-90.702.050.761	-16.038.371.286
IV	Lu chuyển tiền thu n trong k (50=20+30+40)	50		8.907.886.409	-9.156.410.444
V	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		32.013.063.851	41.167.269.946
	ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại t	61		-1.355.885	2.204.349
VI	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		40.919.594.375	32.013.063.851

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm

2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác:

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

• **Ý KIẾN KIỂM TOÁN:**

Số: 166./2015/BC.KTTC-AASC.CNQN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh được lập ngày 05 tháng 03 năm 2015, từ trang 5 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Không nhằm phủ định ý kiến nêu trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính vấn đề sau:

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Thị Lịch

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành
nghề

kiểm toán số 1927-2013-002-1



Số: 166/2015/BC.KTTC-AASC.CNQN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh được lập ngày 05 tháng 03 năm 2015, từ trang 5 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

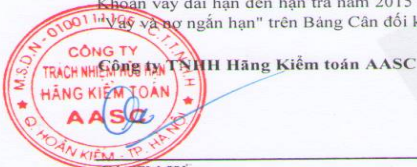
Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.


Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Không nhằm phủ định ý kiến nêu trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính vấn đề sau: Khoản vay dài hạn đến hạn trả năm 2015 số tiền là: 108.681.590.208 đồng không được Công ty phân loại sang chi tiêu và nợ ngắn hạn" trên Bảng Cân đối kế toán, (số liệu tương ứng tại thời điểm 31/12/2013 là: 95.211.284.580 đồng).



Cát Thị Hà
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0725-2013-002-1
Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2015


Nguyễn Thị Lịch
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 1927-2013-002-1

T: (84) 4 3824 1990 | F: (84)-4 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam A member of HLB International

aasc.com.vn

HÀNG KIỂM TOÁN AASC

4

Toàn văn Báo cáo thường niên năm 2014, Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2014 được kiểm toán đã được Công ty gửi nộp cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng Hà Nội theo quy định của công bố thông tin và được đăng tải trên trang điện tử của QNC: www.qncc.com.vn ./.

Nơi nhận:

- Ủy ban CK Nhà nước;
- Sở GDCK Hà Nội;
- Trung tâm Lưu ký CK Việt Nam;
- Lưu VP.

**NGƯỜI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CÔNG TY
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**




Cao Quang Duyệt